

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 50MSHH-SXKD-2024:
Mua sắm vật tư, thiết bị điện phục vụ SCTX – Đợt 2/2024
Thuộc nguồn vốn SXKD điện năm 2024 – Công ty Thủy điện Đồng Nai**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc Hội khóa XV;
Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-EVNGENCO1 ngày 23/03/2023 của Tổng Công ty Phát điện 1 về việc ban hành quy định phân cấp, ủy quyền của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 1 cho Người đứng đầu các Đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 198/QĐ-EVNGENCO1 ngày 17/4/2024 của Tổng Công ty Phát điện 1 Về việc giao kế hoạch SXKD-ĐTPT năm 2024 cho Công ty Thủy điện Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-EVNGENCO1 ngày 05/07/2024 của Tổng Công ty Phát điện 1 về việc phê duyệt dự toán gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị điện phục vụ sửa chữa thường xuyên – Đợt 2/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 413/QĐ-EVNGENCO1 ngày 26/7/2024 của Tổng Công ty Phát điện 1 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 2-TCT) Sản xuất kinh doanh điện năm 2024 - Công ty Thủy điện Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 464/QĐ-TĐĐN ngày 18/9/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai về việc phê duyệt hủy thầu và tổ chức đấu thầu lại gói thầu 50MSHH-SXKD 2024: Mua sắm vật tư, thiết bị điện phục vụ SCTX -Đợt 2/2024;

Căn cứ Quyết định số 624/QĐ-EVNGENCO1 ngày 22/10/2024 của Tổng Công ty Phát điện 1 về việc phê duyệt hiệu chỉnh dự toán gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị điện phục vụ sửa chữa thường xuyên – Đợt 2/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-EVNGENCO1 ngày 31/10/2024 của Tổng Công ty Phát điện 1 về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu 50MSHH-SXKD-2024: Mua sắm vật tư, thiết bị điện phục vụ SCTX - Đợt 2/2024 thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 2-TCT) Sản xuất kinh doanh điện năm 2024 - Công ty Thủy điện Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-TĐĐN ngày 05/11/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai Về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu 50MSHH-SXKD-2024: Mua sắm vật tư, thiết bị điện phục vụ SCTX - Đợt 2/2024;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia xét thầu tại Tờ trình số 1088/KH ngày 12/12/2024 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói 50MSHH-SXKD-2024: Mua sắm vật tư, thiết bị điện phục vụ SCTX - Đợt 2/2024;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định đấu thầu tại Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu số 1092/TDDT ngày 16/12/2024 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu 50MSHH-SXKD-2024: Mua sắm vật tư, thiết bị điện phục vụ SCTX - Đợt 2/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 50MSHH-SXKD-2024: Mua sắm vật tư, thiết bị điện phục vụ SCTX - Đợt 2/2024 với các nội dung như sau:

- **Tên Dự toán mua sắm:** SXKD điện năm 2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai;
- **Tên gói Thầu:** 50MSHH-SXKD-2024: Mua sắm vật tư, thiết bị điện phục vụ SCTX - Đợt 2/2024;
- **Nhà thầu trúng thầu:** Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật T&H;
- **Giá trúng thầu:** 6.883.511.480 đồng (đã bao gồm các loại thuế phí liên quan)
(Bằng chữ: Sáu tỉ, tám trăm tám mươi ba triệu, năm trăm mười một nghìn, bốn trăm tám mươi đồng)

(Chi tiết xem Phụ lục đính kèm)

- **Nguồn vốn:** Vốn SXKD điện năm 2024 giao tại QĐ số 198/QĐ-EVNGENCO1 ngày 17/4/2024 của Tổng Công ty Phát điện 1;
- **Thời gian thực hiện hợp đồng:** Trong vòng 150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- **Loại hợp đồng:** Trọn gói;
- **Bảo đảm thực hiện hợp đồng:** 3% giá trị Hợp đồng.

Điều 2. Giao cho Phòng Kế hoạch và Vật tư, Phòng Tài chính và Kế toán, Phòng Kỹ thuật và An toàn phối hợp với các Phòng/ PX liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Phó Giám đốc và Trưởng các Phòng/Phân xưởng của Công ty căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Vĩnh

PHẠM VI CUNG CẤP VÀ BIỂU GIÁ CHI TIẾT

GÓI THẦU 50MSHH-SXKD-2024: MUA SẴM VẬT TƯ, THIẾT BỊ ĐIỆN PHỤC VỤ SCTX – ĐỢT 2/2024

(Phụ lục đính kèm Quyết định số /QĐ-TĐĐN ngày /12/2024)

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
A	VẬT TƯ TIÊU TU TỔ MÁY H1 - NMTĐ ĐỒNG NAI 4											
A.1	TỔ SỬA CHỮA ĐIỆN											
1	Gioăng làm kín sứ hạ thế	- Vật liệu: NBR (Cao su chịu dầu chịu nhiệt) - Áp lực 10 kPa - Bộ gồm các loại sau: + Gioăng hình bán nguyệt D-ring (dxDxh) mm: 77 x 99 x 10; 1 cái + Gioăng đầu sứ phía bên ngoài Square ring seal (dxDxh) mm: 100 x 132 x 5; 1 cái + Gioăng ty sứ bên trong Square ring seal (dxDxh) mm: 77 x 115 x 8; 1 cái + Gioăng chân sứ bên ngoài Square ring seal (dxDxh) mm: 216 x 232 x 8; 1 cái + Gioăng chân sứ bên trong Square ring seal (dxDxh) mm: 180 x 210 x 8; 1 cái - Tương thích với Gioăng làm kín sứ hạ thế MBA chính NMTĐ Đồng Nai 4, mã bộ sử hạ thế BFW-24/6000-4, nhà sản xuất Nanjing Zhida. - Có cam kết đảm bảo chất lượng và chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại nếu xảy ra hư hỏng và chịu toàn bộ chi phí khắc phục do lỗi cung cấp vật tư không tương thích với thiết bị sử dụng	D-ring (dxDxh) mm: 77 x 99 x 10; Square ring seal (dxDxh) mm: 100 x 132 x 5; Square ring seal (dxDxh) mm: 77 x 115 x 8; Square ring seal (dxDxh) mm: 216 x 232 x 8; Square ring seal (dxDxh) mm: 180 x 210 x 8/ Nanjing Zhida/ Trung Quốc	Bộ	3	9.567.000	28.701.000	8%	2.296.080	30.997.080	12 tháng	

[illegible]

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
5	Chổi than kích từ máy phát	- Kích thước: 25x32x60 mm - Cỡ lỗ bu lông đầu cose: Ø6mm - Tiết diện dây dẫn: 2x10 mm ² - 2 lỗ dây dẫn vào viên than bố trí dọc theo chiều cạnh 25mm của viên than.	NCC 634/ Morgan/ Trung Quốc	Viên	10	1.622.000	16.220.000	8%	1.297.600	17.517.600	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
I.4	Máy biến áp chính											
6	Rơ le nhiệt	- Loại 3P - Điện áp định mức: 400 Vac - Dải dòng điện: 7 - 10 A - Số tiếp điểm: 1NO, 1NC - Sử dụng được cho loại contactor LC1D09	LRD14 / Schneider / Thái Lan	Cái	4	486.000	1.944.000	8%	155.520	2.099.520	12 tháng	
7	Công tắc tơ 3 cực	- Loại 3P - Điện áp định mức: 400 Vac - Điện áp cuộn dây: 220VAC - Dòng định mức: 9A - Số tiếp điểm: 1NO, 1NC - Sử dụng được cho loại Rơ le nhiệt LRD14	LC1D09M7 / Schneider / Indonesia	Cái	4	473.000	1.892.000	8%	151.360	2.043.360	12 tháng	
II	Các hệ thống thiết bị thuộc tổ máy H2											
II.1	Máy phát thủy lực											
8	Chổi than kích từ máy phát	- Kích thước: 25x32x60 mm - Cỡ lỗ bu lông đầu cose: Ø6mm - Tiết diện dây dẫn: 2x10 mm ² - 2 lỗ dây dẫn vào viên than bố trí dọc theo chiều cạnh 25mm của viên than.	NCC 634 / Morgan / Trung Quốc	Viên	10	1.622.000	16.220.000	8%	1.297.600	17.517.600	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
9	Bộ đèn led chống ẩm	- Điện áp: 165-265 Vac - Công suất: 20W - Tần số: 50 Hz	HLEP1-20 / Haledco / Việt Nam	Bộ	6	2.347.000	14.082.000	10%	1.408.200	15.490.200	12 tháng	CQ bản gốc hoặc bản sao

[illegible]

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
	hành lang Đập											
13	Đèn chiếu sáng cửa van cung	- Điện áp định mức: 220V/50-60Hz - Quang thông: 18750 lm - Công suất: 150W - Chip Led: COB - Nhiệt độ màu: 5000K - Đường kính lỗ cột (mm): 60 - Vật liệu vỏ: Nhôm hợp kim kính cường lực - Cấp độ bảo vệ IP66, IK08 - Kích thước: (725x285x100)mm	CSD02/ 150W / Rạng Đông / Việt Nam	Bộ	1	4.054.000	4.054.000	10%	405.400	4.459.400	12 tháng	
14	Đèn chiếu sáng trụ công vuông	- Điện áp: 220Vac/50Hz - Chất liệu thân đèn: Nhôm đúc - Kích thước (D x R x C): 200x200x360mm - Sử dụng đui đèn: E27	TS0402A / EULight / Việt Nam	Bộ	3	743.000	2.229.000	10%	222.900	2.451.900	12 tháng	
15	Dây cáp điện 4x4mm2	- Vật liệu cách điện: PVC - Vật liệu dây dẫn: Đồng nhiều lõi - Tiết diện dây dẫn: 4x4 mm2 - Số lõi: 4 - Cấp cách điện: 0.6/1kV	CVV 4x4 mm2 / Cadivi / Việt Nam	m	100	70.000	7.000.000	10%	700.000	7.700.000	12 tháng	
16	Đèn led chống ẩm	- Điện áp: 165-265 Vac - Công suất: 20W - Tần số: 50 Hz - Quang thông: 2600 lm - Nhiệt độ màu (K): 5500-6700 - Ánh sáng: Trắng ngày - Thân vỏ: Hợp kim nhôm - Cấp bảo vệ: IP66	HLEP1-20 / Haledco / Việt Nam	Bộ	10	2.347.000	23.470.000	10%	2.347.000	25.817.000	12 tháng	CQ bản gốc hoặc bản sao y công chứng.
17	Đèn Led Sự Cố chống cháy nổ	- Điện áp định mức: 220Vac/50Hz - Công suất: 3W - Thời gian chiếu sáng dự phòng 2 giờ - Thời gian sạc 24 giờ. - Sạc tự động, tự ngắt khi Pin nạp đầy	SNC3024 / Duhal / Việt Nam	Bộ	6	3.108.000	18.648.000	10%	1.864.800	20.512.800	12 tháng	CQ bản gốc hoặc bản sao y công chứng. - Giấy chứng nhận kiểm định PCCC,

[illegible]

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
IV.1	Hệ thống nối đất											
23	Dây nối đất	- Dây đồng trần xoắn - C (Sử dụng cho tiếp đất) - Tiết diện: 95 mm ² - Khối lượng: 849 kg/km - Kết cấu: 19/2.51 N ^o /mm - Điện trở DC tối đa ở 20°C: 0,1944 Ohm/km	C 95 / Cadivi / Việt Nam	mét	20	324.000	6.480.000	8%	518.400	6.998.400		
24	Đầu cose	- Chất liệu: Đồng nguyên chất - Tiết diện: 95 mm ² - Lỗ bắt bu lông: 13 mm	SC95-12 / TP / Việt Nam	Cái	20	27.000	540.000	10%	54.000	594.000		
25	Cọc tiếp địa	- Vật liệu chế tạo: Cây đồng tròn, hàm lượng đồng >=99,9% - Quy cách: 1 đầu vót nhọn - Chiều dài: 2.4m - Đường kính cọc: 16mm	D16-L2.4m / Ram ratna / Ấn Độ	cọc	10	257.000	2.570.000	8%	205.600	2.775.600		
26	Dây nối đất	- Dây đồng trần xoắn - C (Sử dụng cho tiếp đất) - Tiết diện: 95 mm ² - Khối lượng: 849 kg/km - Kết cấu: 19/2.51 N ^o /mm - Điện trở DC tối đa ở 20°C: 0,1944 Ohm/km	C 95 / Cadivi / Việt Nam	Mét	20	324.000	6.480.000	8%	518.400	6.998.400		
V	Hệ thống khác											
V.1	Hệ thống nguồn tự dùng chung											
27	Cầu chì 24kV	- Loại: Chì ống sứ - Điện áp định mức: 24kV - Dòng điện định mức: 1A - Kích thước ống: Φ25mm x 354mm	XRNP1 / Zigua / Trung Quốc	Cái	3	3.378.000	10.134.000	8%	810.720	10.944.720		
V.2	Hệ thống chiếu sáng											
28	Bóng LED bulb	- Công suất 20 W - Điện áp: 220 VAC - Tần số: 50 Hz - Quang thông: 1900 Lm - Nhiệt độ màu: 6500K	A95N1/20W / Rạng Đông / Việt Nam	Cái	50	96.000	4.800.000	10%	480.000	5.280.000	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Màu ánh sáng: trắng ngày - Sử dụng đuôi E27 - Vật liệu: Nhôm nhựa										
29	Bóng led bulb	- Điện áp: 220 Vac - Công suất 5 W - Tần số: 50 Hz - Quang thông: 475 Lm - Nhiệt độ màu: 6500K - Màu ánh sáng: trắng ngày - Sử dụng đuôi vặn E27 - Vật liệu: Nhôm nhựa	A55N4/5W.H / Rạng Đông / Việt Nam	cái	10	34.000	340.000	10%	34.000	374.000	12 tháng	
30	Đèn led pha	- Công suất: 100W - Điện áp 220Vac/ 50Hz - Quang thông: 9500lm - Nhiệt độ màu: 6500K - Sử dụng chip LED SMT Samsung - Cấp bảo vệ: IP66	CP06/100W / Rạng Đông / Việt Nam	Bộ	3	1.220.000	3.660.000	10%	366.000	4.026.000	12 tháng	
31	Bộ máng đèn huỳnh quang	- Loại máng đôi - Điện áp 220Vac/ 50 Hz - Loại bóng: 2x20 W - Quang thông: 4000 Lm - Nhiệt độ màu: 6500K - Thân máng: làm bằng thép phủ sơn tĩnh điện - Kích thước máng (DxRxC) (mm): 1227x207x98	PIFC 236L36 / Paragon / Việt Nam	Bộ	10	1.081.000	10.810.000	10%	1.081.000	11.891.000	12 tháng	
32	Bộ đuôi đèn sứ ly ngò	- Chất liệu đế: Nhôm, đồng, đồ gốm, sứ - Loại: E27 - Đuôi vặn - Kích thước (DxC): 8 x 9,5 cm	DLE27 / TP / Việt Nam	Cái	10	27.000	270.000	8%	21.600	291.600		
33	Đèn đường năng lượng mặt trời	- Công suất: 150W - Chip led: 3*Chip COB - Panel: 670* 540*30mm - KT đèn led: 850*330*80mm - Solar Panel: Mono 6V/55W - Quang thông: 120lm/W - Nhiệt độ màu: 6000K	TBD- 150WCOB / TBD / Việt Nam	Bộ	2	3.514.000	7.028.000	10%	702.800	7.730.800	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Ánh sáng trắng - Dung lượng Pin: 3.2V/60Ah - Chất liệu đèn: hợp kim nhôm - Thời gian sạc: 6 - 8 giờ - Thời gian chiếu sáng ngày: 12-14h - Chỉ số IP: IP65										
34	Đèn led pha	- Công suất: 150W - Điện áp 220Vac/50Hz - Quang thông: 13500 Lm - Nhiệt độ màu: 6500K - Chip Led: SMT Samsung - Ánh sáng trắng ngày - Cấp bảo vệ: IP66 - Vật liệu vỏ: Nhôm hợp kim + kính cường lực	CP06/ 150W / Rạng Đông / Việt Nam	Bộ	5	1.730.000	8.650.000	10%	865.000	9.515.000	12 tháng	
35	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	- Loại bóng: Led - Điện áp đầu vào: 220 Vac - Công suất: 2x3W - Tần số: 50 Hz - Dung lượng pin: (3.7Vdc-2.2Ah) - Sạc tự động - Bộ hiển thị sạc: đèn báo màu đỏ - Thời gian sạc đầy: 20 giờ - Thời gian hoạt động Ác quy: 6 giờ - Chức năng an toàn: tự ngắt khi nạp đầy	DKC04/6W / Rạng Đông / Việt Nam	Bộ	10	357.000	3.570.000	10%	357.000	3.927.000	12 tháng	
36	Đèn sự cố ốp trần	- Loại bóng Led - Điện áp: 220 - 240V/50Hz. - Công suất tiêu thụ: 3W - Loại Pin: 3.7V 2.6Ah. - Sạc: tự động. - Bộ hiển thị sạc: có đèn hiển thị - Thời gian sạc: 15 giờ. - Thời gian hoạt động của ắc quy: 3 giờ. - Chức năng an toàn: tự ngắt mạch khi nạp đủ - Cấp độ bảo vệ: IP65	PEMF3RC-G2 / Paragon / Việt Nam	bộ	5	1.622.000	8.110.000	10%	811.000	8.921.000	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Chứng từ kèm theo: Giấy chứng nhận kiểm định PCCC, tem kiểm định.										
37	Bóng đèn led tube	- Điện áp: 220Vac/ 50Hz - Công suất: 20W - Nhiệt độ màu: 6500K - Quang thông: 2600 Lm - Ánh sáng trắng - Kích thước (LxD)mm: 1213 x 27	T8 TT01 1200/20W / Rạng Đông / Việt Nam	Cái	100	66.000	6.600.000	10%	660.000	7.260.000	12 tháng	
38	Quạt làm mát	- Điện áp định mức: 230 Vac/ 50 Hz - Công suất: 65W - Dòng điện: 0,45A - Lưu lượng gió: 450 m3/h - Tốc độ: 2600 rpm - Kích thước (DxRxC) mm: 200 x 200 x 60	AF-200-S- A230 / Ilec / Trung Quốc	Cái	1	473.000	473.000	8%	37.840	510.840	12 tháng	
39	Hạt công tắc 1 chiều	- Điện áp định mức 220Vac - Dòng điện 10A - Màu: Trắng sứ - Kiểu: Hạt tròn nhỏ, 2 chân có vít đồng bắt dây	S30/1/2M / Sino / Việt Nam	Cái	20	14.000	280.000	8%	22.400	302.400		
40	Hạt công tắc 2 chiều	- Điện áp định mức 220Vac - Dòng điện 10A - Màu: Trắng sứ	S30M / Sino / Việt Nam	Cái	5	20.000	100.000	8%	8.000	108.000		
41	Mặt cho công tắc 1 lỗ	- Màu trắng - Kiểu mặt 1 lỗ	S981/X / Sino / Việt Nam	Cái	5	11.000	55.000	8%	4.400	59.400		
42	Mặt cho công tắc 2 lỗ	- Màu trắng - Kiểu mặt 2 lỗ	S982/X / Sino / Việt Nam	Cái	5	11.000	55.000	8%	4.400	59.400		
43	Đế âm vuông	- Màu trắng - Kích thước (80 x 80 x 40) mm	E265/1GY / Sino / Việt Nam	Cái	10	47.000	470.000	8%	37.600	507.600		
44	Đế âm đơn	- Màu trắng - Kích thước W65 x L106 x H40mm	S2157 / Sino / Việt Nam	Cái	10	5.000	50.000	8%	4.000	54.000		
V.3	Hệ thống cầu trục gian máy											
45	Quạt làm mát tủ điện trở xả	- Điện áp định mức: 220 Vac/ 50 Hz - Công suất: 45 W - Lưu lượng gió: 840 m3/h	FADV25 - 4 / Deton / Việt Nam	Cái	2	1.014.000	2.028.000	8%	162.240	2.190.240	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Tốc độ: 1400 rpm - Kích thước cánh (DxR) mm: 250 x 250 - Số cánh: 4 - Loại có cửa chớp - Độ ồn: ≤ 55 dB										
V.5	Hệ thống nước sinh hoạt											
46	Công tắc phao	- Kín nước: ép chân không, siêu kín, an toàn - Điện áp làm việc: 220 – 250 V AC - Dây dẫn: 3m - Công suất tải tối đa: 2HP - Tiếp điểm: 1NO, 1NC - Cấp độ bảo vệ IP68	ATA AT-3M / ATA / Việt Nam	Bộ	1	230.000	230.000	8%	18.400	248.400	12 tháng	
V.6	Hệ thống xử lý nước thải											
E.3	TỔ THÍ NGHIỆM ĐIỆN											
I	Các hệ thống thiết bị thuộc tổ máy H1											
I.1	Tua bin thủy lực											
47	Switch hành trình dạng cần gạt	- Loại cần gạt có thể điều chỉnh độ dài và góc - Góc mở 90 độ - Số tiếp điểm: 1NC + 1NO - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 2A - Cấp độ bảo vệ: IP67	WLCA12-2N / Omron / Nhật Bản	Cái	1	1.193.891	1.193.891	10%	119.389	1.313.280	12 tháng	
48	Switch hành trình dạng piston	- Loại truyền động piston trên con lăn - Số tiếp điểm: 1NC + 1NO - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 2A - Chuẩn bảo vệ: IP67	WLD28 / Omron / Trung Quốc	Cái	1	1.034.836	1.034.836	10%	103.484	1.138.320	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
49	Bộ nguồn	- Công suất: 600W - Điện áp vào: 100 - 240 Vac/ 50 Hz - Điện áp ra: 12 Vdc - Dòng định mức đầu ra: 50A - Chức năng bảo vệ: + Bảo vệ quá tải, tự động reset + Bảo vệ quá áp: 120% hoặc cao hơn, shut off + Bảo vệ quá nhiệt: shut off	S8FS-G600 12CD / Omron / Trung Quốc	Cái	1	13.514.000	13.514.000	8%	1.081.120	14.595.120	12 tháng	
50	Bộ nguồn	- Công suất: 150W - Điện áp vào: 100 - 240 VAC/ 50 Hz - Điện áp ra: 24V DC - Dòng định mức đầu ra: 6,5A - Chức năng bảo vệ: + Bảo vệ quá tải, tự động reset + Bảo vệ quá áp: 120% hoặc cao hơn, shut off + Bảo vệ quá nhiệt: shut off	S8FS-G150 24CD / Omron / Trung Quốc	Cái	1	7.027.000	7.027.000	8%	562.160	7.589.160	12 tháng	
51	Bộ hiển thị cân tải trọng	- Điện áp định mức: 100-240VAC - Màn hình LCD có đèn nền, hiển thị số 7 đoạn, chiều cao ký tự giá trị hiện tại PV: 14,2 mm (màu xanh/ đỏ), giá trị đặt SV: 4,9 mm (màu xanh) - Ngõ vào: Load cell (DC điện áp thấp); 0,00 - 199,99 mV; 0,000 - 19,999 mV; ±100,00 mV; ±199,99 mV - Loại ngõ ra/ nguồn cấp cảm biến: Dòng điện tuyến tính (4 - 20 mA DC) + Nguồn cấp cảm biến (10 VDC +/-5%, 100 mA) - Loại ngõ ra Rơ le/Transitor: Không - Kích thước: 48 x 96mm - Tiêu chuẩn: UL, EN, CE, NEMA4x (IP66) - Cấp độ bảo vệ: IP66	K3HB-VLC 100-240VAC / Omron / Nhật Bản	Cái	1	9.459.000	9.459.000	8%	756.720	10.215.720	12 tháng	
52	Switch hành trình dạng cần gạt	- Loại cần gạt có thể điều chỉnh độ dài và góc - Góc mở 90 độ - Số tiếp điểm: 1NC + 1NO - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 2A - Cấp độ bảo vệ: IP67	WLCA12-2N / Omron / Nhật Bản	Cái	1	1.193.891	1.193.891	10%	119.389	1.313.280	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
I.2	Máy phát thủy lực											
53	Bình ắc quy	- Kiểu ắc quy: AGM VRLA (kín khí, không cần bảo dưỡng) - Điện áp 12 Vdc - Dung lượng 7 Ah - Kích thước (DxRxC): 151 x 65 x 94 mm	CP1270 / Vision / Việt Nam	Cái	1	432.000	432.000	8%	34.560	466.560	12 tháng	CQ bản gốc hoặc bản sao y công chứng.
54	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 220 Vac - Loại 14 chân dẹt - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 5A - Số tiếp điểm: 4 NO + 4 NC - Led chỉ thị: có - Lấy lock và nút test: có - Bao gồm đế gắn	DRM570730LT / Weidmüller / Trung Quốc	Cái	10	162.000	1.620.000	8%	129.600	1.749.600	12 tháng	
55	Áp tô mát 2 cực	- Loại 2P - Điện áp định mức: 400 VAC - Dòng điện định mức: 10A - Dòng cắt ngắn mạch: 10kA - Kèm tiếp điểm phụ: 1NO + 1NC	S202M-C10 / ABB / Trung Quốc	Cái	3	608.000	1.824.000	8%	145.920	1.969.920	12 tháng	
56	Áp tô mát 2 cực	- Loại 2P - Điện áp định mức: 400 Vac - Dòng điện định mức: 6A - Dòng cắt ngắn mạch: 6kA - Kèm tiếp điểm phụ: 1NO + 1NC	S202-C6 / ABB / Trung Quốc	Cái	1	608.000	608.000	8%	48.640	656.640	12 tháng	
57	Áp tô mát 1 cực	- Loại 1P - Điện áp định mức: 220 Vac/Vdc - Dòng định mức: 6A - Dòng cắt ngắn mạch: 10kA - Kèm tiếp điểm phụ: 1NO + 1NC	S201M-K6UC / ABB / Trung Quốc	Cái	1	608.000	608.000	8%	48.640	656.640	12 tháng	
58	Rơ le nhiệt	- Loại 3P - Điện áp định mức: 400 Vac - Dải dòng điện: 1,9 - 6,3A - Số tiếp điểm: 1NO + 1NC - Sử dụng được cho loại contactor AX09-30-10	E16DU-6.3 / ABB / Trung Quốc	Cái	1	1.757.000	1.757.000	8%	140.560	1.897.560	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
59	Công tắc tơ	- Loại 3P - Điện áp định mức 400Vac/ 50Hz - Điện áp cuộn dây: 220Vac- Dòng định mức: 9A - Số tiếp điểm phụ: 1NO	AX09-30-10 / ABB / Trung Quốc	Cái	3	338.000	1.014.000	8%	81.120	1.095.120	12 tháng	
60	Khóa lựa chọn 3 vị trí	- Kiểu xoay: góc 45 độ, tự giữ, 3 vị trí - Đường kính lỗ: 22mm - Số tiếp điểm: 2NO - Điện áp tiếp điểm 600Vac/ 10A - Kèm tiếp điểm phụ: 1NC	YW1S-3E20 / Idec / Trung Quốc	Cái	2	81.000	162.000	8%	12.960	174.960		
61	Tiếp điểm hành trình kiểu thân lớn	- Loại thân lớn, bánh xe tác động thẳng đứng - Số tiếp điểm: 1NC + 1NO - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 2A; 48Vdc/2A - Cấp bảo vệ: IP67	WLD2-Q / Omron / Nhật Bản	Cái	4	1.054.000	4.216.000	8%	337.280	4.553.280	12 tháng	
62	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 220 Vac - Loại 14 chân dẹt - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 5A - Số tiếp điểm: 4 NO + 4 NC - Led chỉ thị: có - Lấy lock và nút test: có - Bao gồm đế gắn	DRM570730LT / Weidmüller / Trung Quốc	Cái	5	162.000	810.000	8%	64.800	874.800	12 tháng	
I.3	Thiết bị đầu cực máy phát											
63	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây 220Vdc - Điện áp tiếp điểm: 250VAC/ 16A - Đế 11 chân tròn - Số tiếp điểm: 3 NO + 3 NC - Lấy lock và test: có - Bao gồm đế cắm	62.33.9.220.00 40 / Finder / Đức	Cái	5	743.000	3.715.000	8%	297.200	4.012.200	12 tháng	
I.4	Hệ thống kích từ											
64	Tụ điện	- Điện áp 330 Vac - Tần số 50/60 Hz - Thời gian sử dụng >10000 hrs. - Dung lượng: 10μF± 5% - Vỏ bằng nhôm, dạng tròn	5E10 / Daeshine / Trung Quốc	Cái	6	135.000	810.000	10%	81.000	891.000		

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
65	Rơ le giám sát áp	- Điện áp vào: + DC: 12 - 48V + AC: 110 - 240 V - Dải điều chỉnh thời gian: 0,5 - 999,9s - Số tiếp điểm: 1NO + 1 NC - Điện áp định mức tiếp điểm: 250Vac/ 6A - Đế gắn Rơ le	MRU11/UC12 -48 / Releco / Sri Lanka	Cái	2	12.939.000	25.878.000	8%	2.070.240	27.948.240	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
66	Cảm biến hồng ngoại	- Dải đo nhiệt độ: 0°C - 500°C - Tương ứng quang phổ: 8 ~ 14 μm - Độ phân giải quang học: 15 : 1 - Cấp chính xác: ±1,5% giá trị đọc hoặc ±1,5°C, giá trị lớn hơn - Độ lặp lại: ±0,5% giá trị đọc hoặc ±1°C, giá trị lớn hơn - Độ phân giải nhiệt độ: 0,1°C - Thời gian đáp ứng: 150 ms - Độ phát xạ: 0,100 - 1,100 (có thể điều chỉnh phần mềm PC) - Ngõ ra: 4 ~ 20mA (2 dây) - Nguồn định mức: 24 VDC ± 20% - Chiều dài cáp: 10m. - Khoảng cách phát hiện: 900mm (D:900mm, S:60mm) - Đầy đủ phụ kiện kèm theo - Cấp độ bảo vệ IP66	NS20LTSFA2 / Sentest / Trung Quốc	Cái	6	5.323.000	31.938.000	10%	3.193.800	35.131.800	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
67	Đồng hồ giám sát nhiệt độ	- Tín hiệu đầu vào: + RTD PT100 x 10 kênh (2 card RTD, 1 card/5 kênh) + Tín hiệu vào tương tự: 4-20mA x 72 kênh (3 card tương tự, 6 card/12 kênh) - Màn hình màu TFT 5.7", cảm ứng. - Ghi vào bộ nhớ trong, thẻ SD hoặc USB Flash - Bộ nhớ mặc định 512Mb, có thể mở rộng lên đến 32GB - Kích thước: 150 x 150 x 80mm	OMR 700 / Orbit Merret / Séc	Cái	1	101.351.000	101.351.000	8%	8.108.080	109.459.080	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng

[illegible]

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
71	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 220 Vac - Loại 14 chân dẹt - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 5A - Số tiếp điểm: 4 NO + 4 NC - Led chỉ thị: có - Lấy lock và nút test: có - Bao gồm đế gắn	DRM570730LT / Weidmüller / Trung Quốc	Cái	5	162.000	810.000	8%	64.800	874.800	12 tháng	
I.9	Hệ thống nước kỹ thuật tổ máy											
72	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 24Vdc - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 5 A - Số tiếp điểm: 4 NO, 4 NC - Loại 14 chân dẹt - Có lấy test và có đèn Led	DRM 570024LT / Weidmüller / Trung Quốc	Cái	20	162.000	3.240.000	8%	259.200	3.499.200	12 tháng	
I.10	Hệ thống khí nén											
73	Khóa lựa chọn 3 vị trí	- Khóa xoay 3 vị trí, tự giữ, 45 độ - Màu đen - Số tiếp điểm: 2NO - Điện áp tiếp điểm: 240Vac/ 3A - Đường kính Φ22 mm	ZB2-BE101C / Schneider / Trung Quốc	Cái	1	81.000	81.000	8%	6.480	87.480		
74	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 220Vac - Điện áp tiếp điểm: 250V/ 5A - Số tiếp điểm: 4 NO + 4 NC - Loại 14 chân dẹt - Có lấy test và có đèn Led	DRM 570230LT / Weidmüller / Trung Quốc	Cái	10	162.000	1.620.000	8%	129.600	1.749.600	12 tháng	
I.11	Hệ thống cấp nguồn tự dùng AC tổ máy											
75	áp tô mát 2 cực	- Loại 2P - Điện áp định mức: 500Vdc - Dòng định mức: 10A - Dòng cắt định mức 6kA	A9N61528 / Schneider / Trung Quốc	Cái	2	1.419.000	2.838.000	8%	227.040	3.065.040	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
76	Bộ nguồn	- Công suất: 150W - Điện áp vào: 100 - 240 VAC/ 50 Hz - Điện áp ra: 24V DC - Dòng định mức đầu ra: 6,5A - Chức năng bảo vệ: + Bảo vệ quá tải, tự động reset + Bảo vệ quá áp: 120% hoặc cao hơn, shut off + Bảo vệ quá nhiệt: shut off	S8FS-G150 24CD / Omron / Trung Quốc	Cái	1	676.000	676.000	8%	54.080	730.080	12 tháng	
77	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 220 Vdc - Loại 8 chân dẹt - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 10A - Số tiếp điểm: 2 NO + 2 NC - Led chỉ thị: có - Lấy lock và nút test: có - Bao gồm đế gắn	DRM270220L T / Weidmüller / Trung Quốc	Cái	20	162.000	3.240.000	8%	259.200	3.499.200	12 tháng	
78	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 220 Vac - Loại 14 chân dẹt - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 5A - Số tiếp điểm: 4 NO + 4 NC - Led chỉ thị: có - Lấy lock và nút test: có - Bao gồm đế gắn	DRM570730L T / Weidmüller / Trung Quốc	Cái	20	162.000	3.240.000	8%	259.200	3.499.200	12 tháng	
79	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 24Vdc- Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 5 A- Số tiếp điểm: 4 NO + 4 NC- Loại 14 chân dẹt- Có lấy test và có đèn Led	DRM 570024LT / Weidmüller / Trung Quốc	Cái	100	162.000	16.200.000	8%	1.296.000	17.496.000	12 tháng	
II	Các hệ thống thiết bị thuộc tổ máy H2											
II.1	Turbine thủy lực											
80	Đầu nối valve solenoid	- Cổng nối solenoid: 2 +PE - Cổng nối cấp: 6-8mm - Công suất công: 24Vdc/ 10A - Led chỉ thị: màu đỏ	DIN EN 175301-803 / Aumi / Việt Nam	Cái	20	203.000	4.060.000	10%	406.000	4.466.000	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Vật liệu: PA - Cấp độ bảo vệ IP65										
II.2	Máy phát thủy lực											
81	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 220 Vac - Loại 14 chân đẹt - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 5A - Số tiếp điểm: 4 NO + 4 NC - Led chỉ thị: có - Lấy lock và nút test: có - Bao gồm đế gắn	DRM570730LT / Weidmüller / Trung Quốc	Cái	5	162.000	810.000	8%	64.800	874.800	12 tháng	
82	Rơ le thời gian	- Điện áp định mức: 200 - 240Vac - Tần số 50/60 Hz - Dải điều chỉnh: 0,05 - 12 phút - Loại 8 chân tròn - Chế độ hoạt động: Off delay - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 5A - Cấp độ bảo vệ IP40	H3CR-H8L AC200-240 M / Omron / Trung Quốc	Cái	1	1.892.000	1.892.000	8%	151.360	2.043.360	12 tháng	
83	Tiếp điểm giám sát áp lực	- Loại không tự giải trừ - Áp lực chịu đựng 15Mpa - Áp lực tác động 0,2Mpa - Số tiếp điểm 1NO - Điện áp tiếp điểm: 24VDC/ 1A - Ren vận: M20x1,5mm	ZKS2/150 / Jiangxu Zhaolong / Trung Quốc	Cái	1	676.000	676.000	8%	54.080	730.080	12 tháng	
84	Khóa lựa chọn 3 vị trí	- Kiểu xoay: góc 45 độ, tự giữ, 3 vị trí - Đường kính lỗ: 22mm - Số tiếp điểm: 2NO - Điện áp tiếp điểm 600Vac/ 10A - Kèm tiếp điểm phụ: 1NC	YW1S-3E20 / Idec / Trung Quốc	Cái	2	81.000	162.000	8%	12.960	174.960		
85	Thanh ray nhôm	- Kiểu: DIN Rail 35mm - Vật liệu: Nhôm - Chiều dài 1m, Độ dày 1mm - Kích thước: (1000 x 35 x 7)mm	DIN Rail 35mm / Sino / Việt Nam	Cái	5	27.000	135.000	10%	13.500	148.500		

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
86	Dây cáp điện	- Vật liệu cách điện: PVC - Vật liệu dây dẫn: Đồng nhiều lõi - Tiết diện dây: 0.75 mm ² - Số lõi: 1 - Cấp điện áp: 300/500 V - Quy cách 100m/ cuộn	VCm 0.75 mm ² / Cadivi / Việt Nam	Mét	100	4.000	400.000	10%	40.000	440.000		
87	Bộ nguồn	- Điện áp vào định mức: 120 - 230Vac - Điện áp đầu ra định mức: 24Vdc - Dòng điện định mức: 10A	6EP1334-3BA10-8AB0 / Siemens / Romania	Bộ	1	7.027.000	7.027.000	8%	562.160	7.589.160	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
88	Bộ điều khiển PLC	- CPU lập trình điều khiển - Cổng: 2 PROFINET - Bộ nhớ chương trình 125kB - Onboard I/O: 14 DI 24 V DC; 10 DO 24 V DC; 0.5A; 2 AI 0-10 V DC, 2 AO 0-20 mA DC - Điện áp định mức: 20,4-28,8 Vdc	S71200 CP1215C/ 6ES7215-1AG40-0XB0 / Siemens / Trung Quốc	Bộ	1	10.811.000	10.811.000	8%	864.880	11.675.880	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
89	Module I/O	- Module đầu vào/ ra - Số kênh đầu vào: 16 - Số kênh đầu ra: 16 - Điện áp 24Vdc	SM 1223 16DI/16DO/ 6ES7223-1BL32-0XB0 / Siemens / Trung Quốc	Bộ	1	5.189.000	5.189.000	8%	415.120	5.604.120	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
90	Màn hình HMI	- Màn hình LCD: 10.1" WVA - Độ phân giải 1024x600 - Bộ xử lý RISC lõi kép - Bộ nhớ Flash: 256MB; Ram 128MB - USB 2.0 x 1; Ethernet: 10/100 Base-T x 1; COM Port: Con.A: COM2 RS-485 2W/4W, COM3 RS-485 2W; Con.B: COM1 RS-232 4W, COM3 RS-	MT8106ip / Weintek / Trung Quốc	Bộ	1	7.162.000	7.162.000	10%	716.200	7.878.200	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		232 2W - Điện áp định mức: 24±20%Vdc										
91	Dây cáp điện	- Tiết diện: 0,5mm - Số đôi cáp: 10 - Vỏ bọc nhựa Polyethylene	10x2x0,5mm2 / Saicom / Việt Nam	m	10	27.000	270.000	10%	27.000	297.000		
92	Đèn tín hiệu màu đỏ	- Điện áp định mức: 24 Vdc - Đường kính: fi 22mm - Đèn Led màu đỏ	XB2-BVB4LC / Schneider / Trung Quốc	Cái	5	41.000	205.000	10%	20.500	225.500		
93	Đèn tín hiệu màu xanh	- Điện áp định mức: 24 Vdc - Đường kính: fi 22mm - Đèn Led màu xanh	XB2-BVB3LC / Schneider / Trung Quốc	Cái	5	41.000	205.000	10%	20.500	225.500		
94	Nút nhấn	- Điện áp 24 Vdc - Loại có đèn báo màu xanh - Số tiếp điểm: 1NO - Điện áp tiếp điểm: 240Vac/10A - Đường kính lỗ: fi 22mm - Kèm bộ tiếp điểm phụ: 1NC	XA2EW36B1 / Schneider / Trung Quốc	Cái	5	122.000	610.000	8%	48.800	658.800		
II.3	Hệ thống điều tốc											
95	Đầu nối valve solenoid	- Cổng nối solenoid: 2 +PE - Cổng nối cáp: 6-8mm - Công suất công: 230V/ 10A - Led chỉ thị: màu đỏ - Vật liệu: PA - Jack nối 220Vdc - Cấp độ bảo vệ IP65	DIN EN 175301-803 / Aumi / Việt Nam	Cái	20	203.000	4.060.000	10%	406.000	4.466.000	12 tháng	
II.4	Hệ thống điều khiển giám sát											
96	Bộ chuyển đổi RS232/RS485	- Tín hiệu đầu vào: RS232/RS485 - Điện áp định mức: 12V - 36VDC - Tín hiệu RS232: TX, RX, GND - Tín hiệu RS485: D+, D-, GND - Tín hiệu RS-422: T +, T-, R +, R-, GND - Tốc độ truyền 300-115200bps	SW485GI / 3Onedata / Trung Quốc	Cái	1	3.378.000	3.378.000	8%	270.240	3.648.240	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Khoảng cách truyền: phía RS-485: 3 km; phía RS-232 < 5m - Kết nối RS-232: DB9 Female, RS-422: DB9 - Công bảo vệ chống sét lan truyền 1500W, bảo vệ ESD 15kV - Nhiệt độ hoạt động -40 ~ 80 độ C										hoặc bản sao y công chứng
II.5	Hệ thống nước kỹ thuật											
97	Công tắc tơ 3 cực	- Loại 3P - Điện áp định mức: 400 Vac - Điện áp cuộn dây: 220VAC - Dòng định mức: 9A - Số tiếp điểm: 1NO, 1NC - Sử dụng được cho loại Rơ le nhiệt LRD14	LC1D09M7 / Schneider / Indonesia	Cái	2	473.000	946.000	8%	75.680	1.021.680	12 tháng	
98	Tiếp điểm phụ	- Điện áp định mức tiếp điểm: 400Vac/ 10A - Số tiếp điểm phụ: 2NO	LADN20 / Schneider / Pháp	Cái	2	162.000	324.000	8%	25.920	349.920	12 tháng	
II.6	Hệ thống tự dùng AC tổ máy											
99	Bộ điều khiển máy cắt	- Màn hình hiển thị số - Dùng để cài đặt thông số, hiển thị dòng điện đi qua máy cắt - Số pha: 3P (4P) - Bảo vệ pha: 4t ; 3t ; 3t+N/2 - Tần số: 50/60Hz - Sử dụng phù hợp với loại máy cắt MT32H1 với dòng điện định mức: 3200A	Micrologic 6.0 A / Schneider / Trung Quốc	Bộ	1	54.054.000	54.054.000	8%	4.324.320	58.378.320	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
II.7	Hệ thống điều khiển nhà máy											
100	Bộ nguồn	- Điện áp đầu vào: 220 - 240 Vac/50Hz hoặc 110 - 120Vac/50Hz - Điện áp đầu ra định mức: 24 Vdc - Dòng đầu ra định mức 10A	CP-E24/10.0/1SV R427035R000	Cái	1	4.730.000	4.730.000	8%	378.400	5.108.400	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
			0 / ABB / Trung Quốc									mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
101	Thẻ nhớ	- Dung lượng 4GB - Tốc độ đọc 20 MB/s	CF compact flash / Kingston / Trung Quốc	cái	6	338.000	2.028.000	10%	202.800	2.230.800		
102	Bộ chuyển đổi RS232/RS485	- Tín hiệu đầu vào: RS232/RS485 - Nguồn: 12V - 36VDC - Tín hiệu RS232: TX, RX, GND - Tín hiệu RS485: D+, D-, GND - Tín hiệu RS-422: T +, T-, R +, R-, GND - Tốc độ truyền 300-115200bps - Khoảng cách truyền: phía RS-485: 3 km; phía RS-232 < 5m - Kết nối RS-232: DB9 Female, RS-422: DB9 - Cổng bảo vệ chống sét lan truyền 1500W, bảo vệ ESD 15kV - Nhiệt độ hoạt động -40 ~ 80 độ C	SW485GI / 3Onedata / Trung Quốc	cái	4	3.378.000	13.512.000	8%	1.080.960	14.592.960	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
III	Thiết bị Đập tràn											
III.1	Hệ thống cửa xả tràn											
103	Tiếp điểm hành trình	- Loại cần gạt có thể điều chỉnh độ dài và góc - Góc mở 90 độ - Số tiếp điểm: 1NC + 1NO - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 10A - Cấp độ bảo vệ: IP67	WLCA12-TS / Omron / Nhật Bản	cái	8	1.216.000	9.728.000	8%	778.240	10.506.240	12 tháng	
104	Khóa lựa chọn 3 vị trí	- Kiểu xoay: góc 45 độ, tự giữ, 3 vị trí - Đường kính lỗ: 22mm - Số tiếp điểm: 2NO - Điện áp tiếp điểm 600Vac/ 10A - Kèm tiếp điểm phụ: 1NC	YW1S-3E20 / Idec / Trung Quốc	cái	6	81.000	486.000	8%	38.880	524.880		

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
105	Nút nhấn emergency	- Kiểu nhấn nhả - Đường kính lỗ: 25mm - Số tiếp điểm: 1NO + 1 NC - Điện áp tiếp điểm 250Vac/ 10A - Loại không đèn, Màu đỏ	PR-25ER-1 / Sungho / Hàn Quốc	cái	5	54.000	270.000	8%	21.600	291.600		
106	Cầu chì sứ	- Điện áp định mức: 380 VAC - Điện áp cách điện: 690 VAC - Dòng điện định mức 6A - Vật liệu bằng sứ - Kích thước cầu chì: 10x38 mm - Sử dụng để cầu chì: RT18-32X	RT18-32 / Miro / Trung Quốc	cái	8	11.000	88.000	8%	7.040	95.040		
107	Rơ le giám sát áp	- Điện áp đầu vào: 90 - 400 Vac - Dải điều chỉnh thời gian: 0,1 - 20s - Số tiếp điểm: 1NO + 1NC - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 5A - Dải điều chỉnh quá áp, kém áp : -30-25%	3UG4616-1CR20 / Siemens / Đức	cái	3	4.730.000	14.190.000	8%	1.135.200	15.325.200	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
108	Bộ điều khiển lập trình	- Đầu vào 24 kênh - Đầu ra 16 kênh - Điện áp định mức: 24 Vdc - Cổng truyền thông: RS 485	S7-200 CPU 226 DC/DC/DC/ 6ES7216-2AD23-0XB0 / Siemens / Trung Quốc	cái	1	9.950.727	9.950.727	10%	995.073	10.945.800	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
109	Nút nhấn	- Kiểu nhấn nhả - Đường kính lỗ: 22mm - Số tiếp điểm: 1NO - Điện áp tiếp điểm 220Vac/ 3A - Kèm tiếp điểm phụ: 1NC - Loại không đèn, Màu xanh	XA2EA31 / Schneider / Trung Quốc	cái	6	68.000	408.000	8%	32.640	440.640		
110	Khoá chọn lựa 4 vị trí	- Kiểu xoay: góc 45 độ, tự giữ, 4 vị trí - Đường kính lỗ: 22mm - Số tiếp điểm: 1NO + 1NC	ASW4L4S-411 / Idec / Trung Quốc	cái	4	203.000	812.000	8%	64.960	876.960		

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Điện áp tiếp điểm 250Vac/ 5A - Kèm tiếp điểm phụ: 4NO + 4NC										
III.2	Hệ thống đo mực nước											
111	Bộ nguồn	- Điện áp vào định mức: 120 - 230Vac - Điện áp đầu ra định mức: 24Vdc - Dòng điện định mức: 10A	6EP1334-3BA10-8AB0 / Siemens / Romania	cái	1	7.027.000	7.027.000	8%	562.160	7.589.160	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
III.3	Hệ thống giám sát thông số thiết bị Đập tràn (tại HTĐK nhà máy) LCU6											
112	Bộ nguồn	- Điện áp đầu vào: 220 - 240 Vac/50Hz hoặc 110 - 120Vac/50Hz - Điện áp đầu ra định mức: 24 Vdc - Dòng đầu ra định mức 10A	CP-E24/10.0/1SV R427035R000 0 / ABB / Trung Quốc	cái	1	4.730.000	4.730.000	8%	378.400	5.108.400	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
113	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 230 Vac - Loại 14 chân dẹt - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 6A - Số tiếp điểm: 4 NO + 4 NC - Led chỉ thị: có - Lẫy lock và nút test: có - Bao gồm đế gắn	CR-M230AC4L / ABB / Ba Lan	cái	5	243.000	1.215.000	8%	97.200	1.312.200	12 tháng	
114	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 220 Vdc - Loại 14 chân - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 6A	CR-M220DC4L / ABB / Ba Lan	cái	5	243.000	1.215.000	8%	97.200	1.312.200	12 tháng	

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
	can- tời nâng-phao cảnh báo mặt Đập và hành lang Đập											
X.1	Hệ thống quan trắc thông số Đập											
126	Cảm biến quan trắc đo sự chuyển vị	- Dạng cảm biến: Cảm biến dây rung - Dài đo: Đến 100mm - Độ phân giải: 0,025% F.S. - Độ chính xác: $\pm 0,1\%$ F.S. - Phi tuyến tính: $<0,5\%$ F.S. - Phạm vi nhiệt độ: - 20 độ C đến 80 độ C - Đường kính: 8 mm (trục); 25 mm (cuộn dây) - Kiểu lắp đặt: Đứng, ngang - Khả năng chịu xung chấn động đất: Cấp 7 - Kèm theo 1m cáp + chân đế lắp	4420-1-100mm / Geokon / Mỹ	Cái	3	19.757.000	59.271.000	10%	5.927.100	65.198.100	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
127	Bộ chuyển đổi RS232/RS485	- Điện áp định mức: 7-20Vdc - Cổng truyền thông: RS-232, CS I/O, RS-485 - Tốc độ truyền: 1200, 9600, 19.2k, 38.4k, 57.6k, 115.2k bps - Chiều dài cáp tối đa: 1219 m	CSI-MD485 / Geokon / Mỹ	Cái	1	17.740.000	17.740.000	8%	1.419.200	19.159.200	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
128	Module cảm biến dây rung	- Nguồn cấp 12VDC - Cổng điều khiển tương tự vào/ ra: 2 cổng vi sai đo tín hiệu dây rung (V+ và V-), và 2 cổng single ended đo nhiệt độ (T+ và T-) - Cổng điều khiển số: C1, C2, C3 - Cổng giao tiếp: RS232 - Độ phân giải: 0,001 Hz - Độ chính xác: 0,013%	CSI-AVW200 / Geokon / Mỹ	Cái	1	38.105.000	38.105.000	8%	3.048.400	41.153.400	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
129	Bộ chống sét	- Điện áp cắt: 7.5V, 16V, or 30V - Dòng điện cực đại: 5 kA (20 μs)	4999-12LE-B / Geokon / Mỹ	Cái	1	10.936.000	10.936.000	8%	874.880	11.810.880	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Nhiệt độ làm việc: -20 °C to +80 °C - Kích thước L x W x H: 160 × 74 × 76 mm										quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
XI	Trạm phân phối (220kv)											
XI.1	Phát tuyến đường dây truyền tải 220 KV (271, 272, 273, 274)											
130	Công tắc tơ 3 cực	- Số cực: 3P - Điện áp cuộn dây 220Vdc - Dòng điện định tiếp điểm: 230Vac/10A; 400Vac/6A - Số tiếp điểm phụ: 4NO + 4NC	3TH4244-5MM4 / Siemens / Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	3	2.162.000	6.486.000	8%	518.880	7.004.880	12 tháng	
131	Công tắc tơ 3 cực	- Số cực: 3P - Điện áp cuộn dây 220Vdc - Dòng điện định mức 10A - Số tiếp điểm phụ: 2NO + 2NC - Điện trở tiếp điểm: 230Vac/ 2A	700-K22Z-ZA / Allen Bradley / Thụy Sĩ	Cái	1	2.351.000	2.351.000	8%	188.080	2.539.080	12 tháng	
132	Rơ le thời gian	- Loại 1P - Điện áp định mức: 12-240 Vac/Vdc - Tần số 50Hz - Dải điều chỉnh thời gian: 0,05s–100h - Số tiếp điểm: 2NO + 2NC - Điện trở tiếp điểm: 230Vac/ 4A	700-FEM6TZ12 / Allen Bradley / Bulgaria	Cái	1	3.784.000	3.784.000	8%	302.720	4.086.720	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
133	Nút nhấn	- Số tiếp điểm: 1NC - Điện áp tiếp điểm: 230Vac/ 3A - Đường kính lỗ: ϕ 22mm - Loại không có đèn - Kèm bộ tiếp điểm phụ: 1NO	XA2EA42 / Schneider / Trung Quốc	Cái	1	68.000	68.000	8%	5.440	73.440		

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
134	Công tắc tơ 3 cực	- Số cực: 3 - Điện áp cuộn dây: 220Vac - Điện áp định mức: 440Vac - Dòng điện định mức: 12A - Tiếp điểm phụ: 1NO + 1 NC	LC1D12M7 / Schneider / Indonesia	Cái	3	473.000	1.419.000	8%	113.520	1.532.520	12 tháng	
135	Rơ le nhiệt	- Loại 3P - Điện áp định mức: 400 Vac - Dài dòng điện: 4,3-6,3 A - Số tiếp điểm: 1NO, 1NC - Điện áp tiếp điểm: 230Vac/ 2A	3RU2116-1GB1 / Siemens / Đức	Cái	2	1.622.000	3.244.000	8%	259.520	3.503.520	12 tháng	
136	Áp tô mát 3 cực	- Loại 3P - Điện áp định mức: 400Vac - Dòng định mức: 10A - Dòng cắt định mức 6kA	A9F74310 / Schneider / Ấn Độ	Cái	2	676.000	1.352.000	8%	108.160	1.460.160	12 tháng	
137	Áp tô mát 2 cực	- Loại 2P - Điện áp định mức: 500Vdc - Dòng định mức: 5A - Dòng cắt định mức 6kA	A9N61525 / Schneider / Trung Quốc	Cái	2	1.486.000	2.972.000	8%	237.760	3.209.760	12 tháng	
138	Áp tô mát 1 cực	- Loại 1P - Điện áp định mức: 240Vac - Dòng định mức: 6A - Dòng cắt định mức 10kA	BC61E0C-006 / Fuji / Trung Quốc	Cái	2	230.000	460.000	8%	36.800	496.800	12 tháng	
139	Rơ le giám sát nguồn	- Điện áp cuộn dây: 220VDC - Số tiếp điểm phụ: 2NO + 4NC - Điện áp tiếp điểm: 300VDC/ 250VAC - Dòng điện liên tục cho phép đi qua tiếp điểm: 10A	RXSF1/ RK 271 019/ DC220V / Hitachi / Trung Quốc	Cái	1	21.622.000	21.622.000	8%	1.729.760	23.351.760	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
140	Tiếp điểm cửa	- Loại thân lớn, bánh xe tác động thẳng đứng - Số tiếp điểm: 1NC + 1NO - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/5A; 115V DC/0.4A - Cấp bảo vệ: IP66	ME-8112 / Moujen / Trung Quốc	Cái	2	68.000	136.000	8%	10.880	146.880	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
141	Bộ điều khiển nhiệt độ, độ ẩm	- Dải cài đặt độ ẩm: 30% - 90% RH - Phạm vi độ ẩm tác động: 4% RH ($\pm 3\%$) - Dải nhiệt độ hoạt động: (20 - 80) độ C - Điện áp định mức tiếp điểm: 250 Vac/ 5A - 2 cổng đầu ra - Cấp độ bảo vệ IP20	JWT6013 / Leipole / Trung Quốc	Cái	4	473.000	1.892.000	8%	151.360	2.043.360	12 tháng	
142	Áp tô mát 2 cực	- Loại 2P- Điện áp định mức: 220Vdc - Dòng định mức: 4A - Dòng cắt định mức 20kA	S202M-C4UC / ABB / Trung Quốc	Cái	1	2.027.000	2.027.000	8%	162.160	2.189.160	12 tháng	
143	Áp tô mát 3 cực	- Loại 3P - Điện áp định mức: 400Vac - Dòng định mức: 1A - Dòng cắt định mức 10kA	S203M-C1 / ABB / Trung Quốc	Cái	2	1.622.000	3.244.000	8%	259.520	3.503.520	12 tháng	
XI.2	Thanh cái 220 KV (C21, C22, C23, C24, C29)											
144	Bộ chuyển đổi nguồn	- Điện áp U1: 24-250 V DC - Điện áp U2: 12/18/24 VDC - Chuyển đổi nguồn cấp cho Rơ le RXHL401/ 1MRK 000 592-A	RXTUG 22H / ABB / Trung Quốc	Bộ	1	11.081.000	11.081.000	8%	886.480	11.967.480	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
XI.3	Hệ thống điều khiển trạm (LCU5)											
145	Rơ le giám sát điện áp	- Điện áp định mức: 24~240 Vac/dc - Dải đo: + 3 - 30 V + 6 - 60 V + 30 - 300 V + 60 - 600 V - Số tiếp điểm: 2NO + 2NC - Dải cài đặt thời gian: 0,1- 30 s	CM-ESS.MS/ 1SVR730830R 0500 / ABB / Đức	Cái	1	4.865.000	4.865.000	8%	389.200	5.254.200	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
146	Đồng hồ đo lường	- Màn hình LCD - Số đầu vào đo áp/ dòng: 4/ 4 - Số ngõ vào/ ra số: 2/ 2 - Tín hiệu đầu vào: + Tần số: 42.5-69 Hz; + Điện áp: (57.73 - 400) Vac nối sao; (100 - 690) Vac nối tam giác + Dải dòng định mức đầu vào AC: 1A to 5A. - Cấp chính xác: 0.2S công suất tác dụng; 0.5 công suất phản kháng - Nguồn cấp: 24-250 VDC, 110-230 VAC - Chuẩn truyền thông: RS485	SICAM Q100 / Siemens / Ấn Độ	cái	2	84.880.000	169.760.000	8%	13.580.800	183.340.800	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
147	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 24 Vdc - Loại 14 chân - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 6A - Số tiếp điểm: 4 NO + 4 NC - Led chỉ thị: có - Lấy lock và nút test: có - Bao gồm đế gắn	CR-M024DC4L / ABB / Ba Lan	Cái	10	243.000	2.430.000	8%	194.400	2.624.400	12 tháng	
XII	Hệ thống khác											
XII.1	Hệ thống báo cháy, chữa cháy											
148	Đầu dò nhiệt	- Điện áp làm việc 24 V DC - Nhiệt độ làm việc: 0 - 66 độ C - Nhiệt độ tác động: lớn hơn 57 độ C hoặc tốc độ gia tăng nhiệt	FST-951H / Notiffier / Mexico	Cái	4	2.432.000	9.728.000	10%	972.800	10.700.800	12 tháng	- CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng - Giấy chứng nhận kiểm định PCCC, tem kiểm định.

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
149	Board truyền thông	- Kết nối : Network Communications Module (Wire) - Tương thích với tủ điều khiển báo cháy trung tâm Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 3 - Tương thích truyền thông báo cháy tủ trung tâm CPU2-3030ND	NCM-W / Notiffier / Mỹ	Cái	1	27.162.000	27.162.000	10%	2.716.200	29.878.200	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
150	Bộ nguồn	- Điện áp đầu vào 220Vac - Điện áp đầu ra 24Vdc - Dòng điện định mức 6A - Tương thích với tủ điều khiển báo cháy trung tâm Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 3	APS-6RE / Notiffier / Mỹ	Cái	1	12.162.000	12.162.000	8%	972.960	13.134.960	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
151	Bộ nguồn tủ điều khiển chữa cháy	- Điện áp đầu vào 220 - 240Vac - Điện áp đầu ra 24Vdc - Dòng điện ra lớn nhất: 2,5A - Tương thích với tủ điều khiển báo cháy trung tâm Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 3	AMPS-24E / Notiffier / Mỹ	cái	1	45.676.000	45.676.000	8%	3.654.080	49.330.080	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
XII.2	Hệ thống bơm tháo cạn, tiêu thấm nước rò rỉ, chống ngập											
152	Bộ nguồn	- Loại 1P - Điện áp vào định mức: 100 - 240 Vac/ 50 - 60 Hz - Điện áp đầu ra định mức: 24Vdc - Dòng điện định mức: 5A - Công suất 120 W - Ngõ ra: Out1, out2	2904600 / Phoenix Contact / Thái Lan	Cái	1	5.135.000	5.135.000	8%	410.800	5.545.800	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
153	Cảm biến mức nước	- Điện áp định mức: 24Vdc - Dải đo: 0 - 3mH2O - Ngõ ra: 4 - 20mA	7MF1572-1CA10 /	Cái	1	20.270.000	20.270.000	10%	2.027.000	22.297.000	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Chiều dài cáp 10 mét - Chất liệu thép không rỉ	Siemens / Thụy Sĩ									đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
XII.3	Hệ thống công nghệ thông tin và liên lạc											
154	Ổ cắm 4 lỗ	- Công suất tối đa: 2200W - 10A - Số ổ cắm: 4 ổ 3 chấu - Chiều dài dây: 3 mét - Số lõi dây: 2 - Công tắc bật tắt: 4 - Bảo vệ quá tải bằng CB 10A	4DOF32WN / Lioa / Việt Nam	Cái	2	264.000	528.000	8%	42.240	570.240	12 tháng	
155	Rập nối quang đa năng	- Loại cáp hỗ trợ: Single, multi mode - Suy hao chèn: 0,5 dBm - Lực kéo căng: >=1 pound	3M Fibrlok™ II / 3M / Việt Nam	Cái	10	14.000	140.000	10%	14.000	154.000		
156	Đầu nối mạng RJ45	- Nối dây mạng RJ45 - Cấu tạo: Nhựa PVC màu trắng, hình trụ tròn - Tốc độ truyền tải tín hiệu hỗ trợ: 10Gbps - Chuẩn cáp: Lan RJ45	20391 / Ugreen / Trung Quốc	Cái	5	108.000	540.000	10%	54.000	594.000		
157	Đầu bấm mạng RJ45	- Được thiết kế cho cáp Cat 6 UTP (1000 Mbps) - Chất liệu: Đồng mạ vàng	20840 / Ugreen / Trung Quốc	Hộp	1	4.000	4.000	10%	400	4.400		
158	Bộ chia mạng	- Giao diện: 8 x 1 Gigabit copper ports - Tốc độ port: 100/1000 - Khả năng chuyển mạch: 16Gbps - Điện áp định mức: 12Vdc/ 1A	CBS110-8T-D-EU / Cisco / Trung Quốc	Cái	1	1.486.000	1.486.000	10%	148.600	1.634.600	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
159	Bộ phát wifi	- Tốc độ tối đa lên đến 3200Mbps. - 8 Ăng ten ngoài vô hướng. - Hỗ trợ 2 băng tần 2.4GHz, 4x4 và 5GHz, 4x4 - Chuẩn 802.11a/b/g/n/ac/ax Wave2, MU-MIMO. - 1 cổng 10/100/1000M WAN (Auto MDI/MDIX), 4 cổng 10/100/1000M LAN (Auto MDI/MDIX).	RG-EW3200GX Pro / Ruijie / Trung Quốc	Cái	5	3.649.000	18.245.000	10%	1.824.500	20.069.500	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Nguồn điện: 12VDC/ 2,5A - Phụ kiện kèm theo: Bao gồm adapter 12Vdc và Anten rời đi kèm										hoặc bản sao y công chứng
XII.4	Hệ thống an ninh, camera giám sát											
160	Adaptor	- Điện áp vào: 220VAC - Điện áp ra: 12Vdc - Dòng định mức 3A	HZHF - 2430 / Powerescue / Trung Quốc	Cái	5	270.000	1.350.000	8%	108.000	1.458.000		
161	Chuyển đổi quang điện 1	- Tốc độ cổng điện: 10/100/1000Mbps (RJ45) - Tốc độ cổng quang: 10/100/1000Mbps - TX truyền bước sóng 1310nm & RX chạy bước sóng 1550nm hoặc ngược lại - Khoảng cách truyền cổng RJ45: 100m - Khoảng cách truyền quang: 20km (đối với cáp Single mode) - Cáp kết nối cổng RJ45: UTP 5E, CAT6 - Kết nối quang: SC (đối với cáp Single mode) - Cáp kết nối cổng quang: Single mode: 8.3/125,8.7/125,9/125 hoặc 10/125 um - Nguồn: 5VDC	3012-SS-SC / 3Onedata / Trung Quốc	Bộ	3	3.378.000	10.134.000	8%	810.720	10.944.720	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
162	Chuyển đổi quang điện 2	- Cổng kết nối: 4 cổng J45 POE (10/100 Mbps) - Khoảng cách truyền quang: 25km (Single mode) - Cổng quang: 1 cổng SC 10/100Mbps - Tiêu chuẩn PoE: IEEE802.3af - Nguồn cấp: DC 52V 1.25A - Gồm một bộ gồm bộ thu và bộ phát	GNC-6104FE-25A/B / Gnetcom / Trung Quốc	Bộ	2	2.973.000	5.946.000	8%	475.680	6.421.680	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
163	Dây curoa đai răng 1	- Dây curoa thang khổ 10 mm - Chiều rộng răng: 1,14 mm - Chiều cao răng: 0,51 mm - Chiều dày tổng: 1,14 mm - Góc nghiêng: 40 độ - Khoảng cách giữa các răng: 2,032 mm	90MXL / Bando / Nhật Bản	Cái	5	149.000	745.000	8%	59.600	804.600		

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Chu vi: 90 mm - Vật liệu: Cao Su NR										
164	Dây curoa đai răng 2	- Dây curoa thang khổ 10 mm - Chiều rộng răng: 1,14 mm - Chiều cao răng: 0,51 mm - Chiều dày tổng: 1,14 mm - Góc nghiêng: 40 độ - Khoảng cách giữa các răng: 2,032 mm - Chu vi: 100 mm - Vật liệu: Cao Su NR	100MXL / Bando / Nhật Bản	Cái	5	149.000	745.000	8%	59.600	804.600		
165	Dây curoa đai răng 3	- Dây curoa thang khổ 10 mm - Chiều rộng răng: 1,14 mm - Chiều cao răng: 0,51 mm - Chiều dày tổng: 1,14 mm - Góc nghiêng: 40 độ - Khoảng cách giữa các răng: 2,032 mm - Chu vi: 110 mm - Vật liệu: Cao Su NR	110MXL / Bando / Nhật Bản	Cái	5	149.000	745.000	8%	59.600	804.600		
166	Dây curoa đai răng 4	- Dây curoa thang khổ 10 mm - Chiều rộng răng: 1,14 mm - Chiều cao răng: 0,51 mm - Chiều dày tổng: 1,14 mm - Góc nghiêng: 40 độ - Khoảng cách giữa các răng: 2,032 mm - Chu vi: 120 mm - Vật liệu: Cao Su NR	120MXL / Bando / Nhật Bản	Cái	5	149.000	745.000	8%	59.600	804.600		
167	Dây curoa đai răng 5	- Dây curoa thang khổ 10 mm - Chiều rộng răng: 1,14 mm - Chiều cao răng: 0,51 mm - Chiều dày tổng: 1,14 mm - Góc nghiêng: 40 độ - Khoảng cách giữa các răng: 2,032 mm - Chu vi: 130 mm - Vật liệu: Cao Su NR	130MXL / Bando / Nhật Bản	Cái	5	149.000	745.000	8%	59.600	804.600		

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
168	Tủ điện nhựa 1	- Kích thước: 300x300x150 mm - Loại nhựa: ABS, kín - Cấp độ bảo vệ IP67	BC-APG-303015 / Boxco / Hàn Quốc	Cái	3	946.000	2.838.000	8%	227.040	3.065.040		
169	Tủ điện nhựa 2	- Kích thước: 400x500x200 mm - Loại nhựa: ABS, kín - Cấp độ bảo vệ IP67	BC-AGP-405020 / Boxco / Hàn Quốc	Cái	1	946.000	946.000	8%	75.680	1.021.680		
170	Phích cắm điện đực	- Phích cắm 2 chấu fi 5 - Dòng chịu tải 10A - 2200W - Màu trắng	EU2O5 / Lioa / Việt Nam	Cái	5	7.000	35.000	8%	2.800	37.800		
171	Phích cắm điện cái	- Phích cắm 2 chấu fi 5 - Dòng chịu tải 10A - 2200W - Màu trắng	EU 2TD / Lioa / Việt Nam	Cái	5	7.000	35.000	8%	2.800	37.800		
172	Ổ cứng đầu ghi hình	- Loại ổ cứng: HDD - Dung lượng: 10TB - Tốc độ vòng quay: 7200 rpm - Bộ nhớ đệm: 256MB - Kích thước: 3,5" - Chuẩn kết nối: SATA 3 - Tốc độ truyền: 6Gb/s	WD101PURP / Western Digital / Thái Lan	Cái	1	10.135.000	10.135.000	10%	1.013.500	11.148.500	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
173	Camera PTZ	- Cảm biến STARVISTM CMOS kích thước 1/2.8" - Độ phân giải 2 Megapixel 25/30fps@2MP - Chuẩn nén hình ảnh H.265+ - Độ nhạy sáng tối thiểu: 0.005Lux@F1.6; 0Lux@F1.6 (IR on) - Tầm xa hồng ngoại 100m - Zoom quang 25X (4.8mm~120mm), Zoom số 16x - Quay quét ngang (PAN) 80°/s, dọc 80°/s, hỗ trợ lật hình 200° - Tích hợp 1 dây cảm mic, báo động 2 kênh vào 1 kênh ra - Chuẩn chống nước IP66, chống sét 6000V, chống sét lan truyền. Hỗ trợ thẻ nhớ 512GB. - Điện áp DC 12V/3A, PoE+(802.3at)	SD49225DB-HNY / Dahua / Trung Quốc	Bộ	1	9.730.000	9.730.000	10%	973.000	10.703.000	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng

[illegible]

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
180	Bộ nguồn	- Điện áp vào định mức: 90 - 132Vac / 180 - 264Vac - Điện áp đầu ra định mức: 24Vdc - Dòng điện định mức: 14,6A - Công suất 350,4 W - Chức năng bảo vệ: + Quá tải: (110 - 140)% công suất ra + Quá áp: (28,8 - 33,6)Vdc	LRS-350-24 / Meanwell / Trung Quốc	cái	1	473.000	473.000	8%	37.840	510.840	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
181	Rơ le nhiệt	- Điện áp định mức 400 VAC - Dòng điện định mức: 4-6 A - Số pha: 3 - Tiếp điểm phụ: 2NO/2NC - Sử dụng công tắc tơ LC1D09	LRD10 / Schneider / Thái Lan	cái	2	486.000	972.000	8%	77.760	1.049.760	12 tháng	
182	Khoá chọn lựa 4 vị trí	- Kiểu xoay: góc 45 độ, tự giữ, 4 vị trí - Đường kính lỗ: 22mm - Số tiếp điểm: 1NO + 1NC - Điện áp tiếp điểm 250Vac/ 5A - Kèm tiếp điểm phụ: 4NO + 4NC	ASW4L4S-411 / Idec / Trung Quốc	cái	2	203.000	406.000	8%	32.480	438.480		
XV	BỔ SUNG											
183	Còi báo tử điều khiển	- Điện áp định mức 220Vac - Đường kính lỗ: ƒi 22mm - Âm lượng 65dB	YSMB2 - 22A / Yongsung / Hàn Quốc	Cái	4	176.000	704.000	10%	70.400	774.400		
F	VẬT TƯ SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG - NMTĐ ĐỒNG NAI 4											
F.1	TỔ CƠ KHÍ											
I	Các hệ thống thiết bị thuộc tổ máy H1											
I.1	Hệ thống khí nén											
184	Cảm biến giám sát mức nước	- Ứng dụng: đo được chất lỏng như nước, nước thải, bùn, axit, dầu thực vật, dầu diesel	RFLS-35N / Dinel / Séc	Cái	2	10.743.000	21.486.000	10%	2.148.600	23.634.600	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Nguồn cung cấp: 7-34Vdc - Dòng tiếp điểm ngõ ra lớn nhất PNP: 300mA - Dải nhiệt độ làm việc: (- 40 - 80) độ C - Chiều dài cáp: 2m - Tiêu chuẩn bảo vệ: IP68										quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
II	Hệ thống khác											
185	Bình ắc quy	- Kiểu ắc quy: AGM VRLA (kín khí, không cần bảo dưỡng) - Điện áp 12 VDC - Dung lượng 90 Ah - Kích thước (DxRxC): 303 x 174 x 203 mm	CMF 105D31R / Ắc quy miền Nam / Việt Nam	Cái	1	2.703.000	2.703.000	8%	216.240	2.919.240	12 tháng	CQ bản gốc hoặc bản sao y công chứng.
F.2	TỔ SỬA CHỮA ĐIỆN											
I	Các hệ thống thiết bị thuộc tổ máy H1											
I.1	Tua bin thủy lực											
186	Áp tô mát 3 cực	- Loại 3P - Điện áp định mức: 415Vac/50Hz - Dòng định mức: 40A - Dòng cắt định mức 10kA	BBD3403CHH V / Panasonic / Trung Quốc	Cái	2	676.000	1.352.000	8%	108.160	1.460.160	12 tháng	
187	Công tắc tơ 3 cực	- Loại 3P - Điện áp cuộn dây: 220VAC/ 50 Hz - Điện áp định mức 400Vac - Dòng định mức : AC1/AC3 : 55A/40A - Số tiếp điểm phụ: 2NO + 2 NC	3RT10 35-1AP04 / Siemens / Đức	Cái	1	2.432.000	2.432.000	8%	194.560	2.626.560	12 tháng	
I.2	Máy phát thủy lực											
188	Chổi than kích từ máy phát	- Kích thước: 25x32x60 mm - Cỡ lỗ bu lông đầu cose: Ø6mm - Tiết diện dây dẫn: 2x10 mm ² - 2 lỗ dây dẫn vào viên than bố trí dọc theo chiều cạnh 25mm của viên than.	NCC 634 / Morgan / Trung Quốc	Viên	5	405.000	2.025.000	8%	162.000	2.187.000	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
												hoặc bản sao y công chứng
189	Bộ đèn led chống ẩm	- Điện áp: 165-265 Vac - Công suất: 20W - Tần số: 50 Hz - Quang thông: 2600 lm - Nhiệt độ màu (K): 5500-6700 - Ánh sáng: Trắng ngày - Thân vỏ: Hợp kim nhôm - Cấp bảo vệ: IP66	HLEP1-20 / Haledco / Việt Nam	Bộ	4	2.347.000	9.388.000	10%	938.800	10.326.800	12 tháng	CQ bản gốc hoặc bản sao y công chứng.
190	Gioăng cao su chữ U	- Vật liệu làm bằng cao su mềm - Kích thước, yêu cầu kỹ thuật theo bản vẽ "Zoăng thanh chắn bộ làm mát gió máy phát" đính kèm	CS-U / Cao su 68 / Việt Nam	Mét	15	1.081.000	16.215.000	8%	1.297.200	17.512.200		
I.5	Hệ thống điều tốc											
191	Đèn chiếu sáng	- Kiểu: Đèn tuýp; led - Điện áp định mức: 220Vac - Công suất: 10W - Kích thước (LxWxH): 220 x 51 x 42 mm	HCP-LED-10W-2P / Hivero / Việt Nam	Cái	1	459.000	459.000	10%	45.900	504.900	12 tháng	
I.7	Hệ thống cấp nguồn tự dùng AC tổ máy											
192	Quạt làm mát MBA	- Điện áp: 220V/50Hz - Công suất: 60W - Tốc độ: 1300v/p - Lưu lượng: 950 m3/h - Kích thước (DxRxC): 365x190x200mm	GFDD-365-150 / Zhuzhou Sanda / Trung Quốc	Cái	2	3.784.000	7.568.000	8%	605.440	8.173.440	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
193	Đèn led màu vàng	- Đường kính lỗ: fi 22mm - Điện áp định mức: 380Vac - Màu vàng	AD11-22/25/41-9YZ / Jiangyin / Trung Quốc	Cái	10	41.000	410.000	10%	41.000	451.000		

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
194	Đèn led màu xanh	- Đường kính lỗ: fi 22mm - Điện áp định mức: 380Vac - Màu xanh	AD11-22/25/41-9GZ / Jiangyin / Trung Quốc	Cái	10	41.000	410.000	10%	41.000	451.000		
195	Đèn led màu đỏ	- Đường kính lỗ: fi 22mm - Điện áp định mức: 380Vac - Màu đỏ	AD11-22/25/41-9RZ / Jiangyin / Trung Quốc	Cái	10	41.000	410.000	10%	41.000	451.000		
196	Đèn led màu trắng	- Đường kính lỗ: fi 22mm - Điện áp định mức: 380Vac - Màu trắng	AD11-22/25/41-9WZ / Jiangyin / Trung Quốc	Cái	10	41.000	410.000	10%	41.000	451.000		
II	Các hệ thống thiết bị thuộc tổ máy H2											
II.1	Máy phát thủy lực											
197	Chổi than kích từ máy phát	- Kích thước: 25x32x60 mm - Cỡ lỗ bu lông đầu cose: Ø6mm - Tiết diện dây dẫn: 2x10 mm ² - 2 lỗ dây dẫn vào viên than bố trí dọc theo chiều cạnh 25mm của viên than.	NCC 634 / Morgan / Trung Quốc	Viên	5	405.000	2.025.000	8%	162.000	2.187.000	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
III	Thiết bị Đập tràn											
III.1	Hệ thống cửa xả tràn											
198	Công tắc tơ 3 cực	- Loại 3P - Điện áp cuộn dây: 220VAC - Điện áp định mức 400Vac - Dòng định mức: 22A - Số tiếp điểm phụ: 1NO + 1NC - Sử dụng được cho loại Rơ le nhiệt MT-32	MC-22b / LS / Hàn Quốc	Cái	2	514.000	1.028.000	8%	82.240	1.110.240	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
III.2	Cầu trục chân dê (Gantry crane)											
199	Công tắc tơ 3 cực	- Loại 3P - Điện áp cuộn dây: 380VAC - Điện áp định mức 400Vac - Dòng định mức: 32A - Số tiếp điểm phụ: 2NO + 2NC - Sử dụng được cho loại Rơ le nhiệt MT-32	MC-32a / LS / Hàn Quốc	Cái	2	730.000	1.460.000	8%	116.800	1.576.800	12 tháng	
III.3	Hệ thống thông gió, chiếu sáng mặt Đập và hành lang Đập											
200	Dây Cáp điện	- Vật liệu cách điện: PVC - Vật liệu dây dẫn: Đồng nhiều lõi - Tiết diện dây: 2x4 mm² - Số lõi: 2 - Cấp điện áp: 300/500 V - Quy cách 100m/ cuộn	CVV 2x4.0 mm ² / Cadivi / Việt Nam	Mét	200	41.000	8.200.000	10%	820.000	9.020.000		
201	Áp tô mát 1 cực	- Loại 1P - Điện áp định mức: 230Vac - Dòng định mức: 16A - Dòng cắt định mức 6kA	A9F74116 / Schneider / Ấn Độ	Cái	12	176.000	2.112.000	8%	168.960	2.280.960	12 tháng	
202	Cáp điện	- Vật liệu cách điện: PVC - Vật liệu dây dẫn: Đồng nhiều lõi - Tiết diện dây: 4x6 mm² - Số lõi: 4 - Cấp điện áp: 300/500 V - Quy cách 100m/ cuộn	CVV 4x6 mm ² / Cadivi / Việt Nam	Mét	150	101.000	15.150.000	10%	1.515.000	16.665.000		
203	Tủ điện 1	- Chất liệu: Kim loại sơn tĩnh điện, lắp trong nhà - Kích thước (Cao x Rộng x Sâu): 700x600x250 mm - Tiêu chuẩn: IEC 60439-1:2004; BS 5486-1: 1990	CKE67 / Sino / Việt Nam	Cái	4	1.486.000	5.944.000	8%	475.520	6.419.520	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
204	Bộ đèn led chống ẩm	- Điện áp: 165-265 Vac - Công suất: 20W - Tần số: 50 Hz - Quang thông: 2600 lm - Nhiệt độ màu (K): 5500-6700 - Ánh sáng: Trắng ngày - Thân vỏ: Hợp kim nhôm - Cấp bảo vệ: IP66	HLEP1-20 / Haledco / Việt Nam	Cái	10	2.347.000	23.470.000	10%	2.347.000	25.817.000	12 tháng	
205	Đèn led bulb	- Điện áp định mức: 220Vac - Công suất: 30 W - Tần số: 50 Hz - Quang thông 1900 Lm - Nhiệt độ màu: 6500K - Màu ánh sáng: trắng ngày - Sử dụng đuôi vặn E27 - Vật liệu: Nhôm nhựa	A120N1/30W. H / Rạng Đông / Việt Nam	Bóng	20	143.000	2.860.000	10%	286.000	3.146.000	12 tháng	
206	Đuôi đèn sứ ly ngòi	- Chất liệu đế: Nhôm, đồng, đồ gốm, sứ - Loại: E27 - Đuôi vặn - Kích thước (DxC): 8 x 9,5 cm	DLE27 / TP / Việt Nam	Cái	20	27.500	550.000	8%	44.000	594.000		
207	Bóng LED bulb	- Điện áp: 220VAC - Công suất: 9W - Nhiệt độ màu: 6500K - Quang thông: 810 Lm - Màu ánh sáng: trắng ngày - Sử dụng đuôi vặn E27 - Vật liệu: nhôm nhựa	A60N1/9W.H / Rạng Đông / Việt Nam	Cái	20	45.000	900.000	10%	90.000	990.000	12 tháng	
208	Đèn chiếu sáng cửa van cung	- Điện áp định mức: 220V/50-60Hz - Quang thông: 18750 lm - Công suất: 150W - Chip Led: COB - Nhiệt độ màu: 5000K - Đường kính lỗ cột (mm): 60 - Vật liệu vỏ: Nhôm hợp kim kính cường lực	CSD02/ 150W / Rạng Đông / Việt Nam	Bộ	1	4.054.000	4.054.000	10%	405.400	4.459.400	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Cấp độ bảo vệ IP66, IK08 - Kích thước: (725x285x100)mm										
209	Đèn chiếu sáng trụ công vuông	- Điện áp: 220Vac/50Hz - Chất liệu thân đèn: Nhôm đúc - Kích thước (D x R x C): 200x200x360mm - Sử dụng đèn: E27	TS0402A / EULight / Việt Nam	Bộ	5	743.000	3.715.000	10%	371.500	4.086.500	12 tháng	
III.4	Hệ thống bơm thoát nước hành lang Đập											
210	Dây cáp điện	- Vật liệu cách điện: PVC - Vật liệu dây dẫn: Đồng nhiều lõi - Tiết diện dây: 4x6 mm ² - Số lõi: 4 - Cấp điện áp: 300/500 V - Quy cách 100m/ cuộn	CVV 4x6 mm ² / Cadivi / Việt Nam	Mét	150	101.000	15.150.000	10%	1.515.000	16.665.000		
211	Tủ điện 2	- Chất liệu: Kim loại sơn tĩnh điện, lắp trong nhà - Kích thước (Cao x Rộng x Sâu): 900 x700 x 250mm - Tiêu chuẩn: IEC 60439-1:2004; BS 5486-1: 1990	CKE78 / Sino / Việt Nam	Cái	1	1.757.000	1.757.000	8%	140.560	1.897.560	12 tháng	
IV	Trạm phân phối (220kv)											
IV.1	Thanh cái 220 KV (C21, C22, C23, C24, C29)											
212	Máy biến điện áp 220kV	- Biến điện áp kiểu tự. - Loại 2 thốt. - Chiều cao tổng thể 3430mm ±20mm. - Cấp cách điện 245/460/1050 kV. - Điện áp sơ cấp: 220/√3 kV. - Điện áp thứ cấp: 0,11:√3/0,11:√3/0,11 kV - Số cuộn dây nhị thứ: 3 - Cấp chính xác: 0,2/3P/3P - Công suất: 150/150/100VA	TCVT 245 / Trench / Trung Quốc	Cái	6	148.649.000	891.894.000	8%	71.351.520	963.245.520	12 tháng	- Bản gốc hoặc bản sao y công chứng test report.- Giấy chứng nhận phê duyệt mẫu - Giấy chứng nhận kiểm

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Terminal nhất thứ nằm ngang. - Trọng lượng tổng: $\leq 460\text{kg}$ - Khối lượng dầu: $\leq 70\text{kg}$ - Tiêu chuẩn IEC 61869-5 hoặc tương đương. - Phù hợp môi trường làm việc tại Việt Nam: nhiệt độ $0^{\circ}\text{C} - 50^{\circ}\text{C}$, độ ẩm 70% - 95% - Đồng bộ với các TU đang sử dụng tại trạm 220kV Đồng Nai 4										định còn thời hạn ít nhất 5 năm của cơ quan chức năng (tính theo năm cấp hàng).- CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
IV.2	Hệ thống nối đất											
213	Cọc tiếp địa	- Vật liệu chế tạo: Cây đồng tròn, hàm lượng đồng $\geq 99,9\%$ - Quy cách: 1 đầu vót nhọn - Chiều dài: 2.4m - Đường kính cọc: 16mm	D16-L2.4m / Ram ratna / Ấn Độ	cọc	10	257.000	2.570.000	8%	205.600	2.775.600		
214	Dây nối đất	- Dây đồng trần xoắn - C (Sử dụng cho tiếp đất) - Tiết diện: 95 mm² - Khối lượng: 849 kg/km - Kết cấu: 19/2.51 N^o/mm - Điện trở DC tối đa ở 20°C: 0,1944 Ohm/km	C 95 / Cadivi / Việt Nam	Mét	20	324.000	6.480.000	8%	518.400	6.998.400		
IV.3	Thiết bị CNN, đường hầm, nhà van, đường ống AL, hạ lưu											
215	Công tắc tơ 3 cực	- Loại 3P - Điện áp cuộn dây: 380VAC - Điện áp định mức 400Vac - Dòng định mức: 32A	MC-32a / LS / Hàn Quốc	Cái	1	730.000	730.000	8%	58.400	788.400	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Số tiếp điểm phụ: 2NO + 2NC - Sử dụng được cho loại Rơ le nhiệt MT-32										
216	Rơ le nhiệt	- Loại 3P - Điện áp định mức: 690 Vac - Dải dòng điện: 16A-22A - Số tiếp điểm: 1NO + 1NC - Sử dụng được cho loại công tắc tơ MC-32a	MT-32 / LS / Hàn Quốc	Cái	1	541.000	541.000	8%	43.280	584.280	12 tháng	
217	Công tắc tơ 3 cực	- Loại 3P - Điện áp cuộn dây: 220VAC - Điện áp định mức 400Vac - Dòng định mức: 32A - Số tiếp điểm phụ: 2NO + 2NC - Sử dụng được cho loại Rơ le nhiệt MT-32	MC-32a / LS / Hàn Quốc	Cái	1	730.000	730.000	8%	58.400	788.400	12 tháng	
V	Hệ thống khác											
V.1	Hệ thống nguồn tự dùng chung											
218	Cầu chì	- Loại: Chì ống sứ - Điện áp định mức: 24kV - Dòng điện định mức: 1A - Kích thước ống: Ø25mm x 354mm	XRNP1 / Zigua / Trung Quốc	Cái	3	3.378.000	10.134.000	8%	810.720	10.944.720		
219	Biến điện áp	- Loại biến điện áp 1 pha, 24kV - Đặt trong nhà - Điện áp sơ cấp: 22/√3 kV - Điện áp thứ cấp: 0.1:√3/ 0.1:√3 kV - Số cuộn dây nhị thứ: 2 - Cấp chính xác: 0.5/3P - Công suất: 30/30VA	PT22-1ZHI1P / Emic / Việt Nam	Cái	1	16.216.000	16.216.000	8%	1.297.280	17.513.280	12 tháng	- Bản gốc hoặc bản sao y công chứng test report.CQ bản gốc hoặc bản sao y công chứng.
220	Cáp điện trung thế	- Mức cách điện: 12/20(24) kV - Vật liệu: Ruột dẫn nhôm lõi thép - Tiết diện dây: 95 mm ² - Loại vật liệu vỏ: PVC - Loại vật liệu cách điện: XPLE	AsXV 95/16 - 12/20(24)kV / Cadivi / Việt Nam	Mét	6000	81.000	486.000.000	10%	48.600.000	534.600.000	12 tháng	CQ bản gốc hoặc bản sao y công chứng.

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Kiểu lắp: Truyền tải điện treo trên cột - Tiêu chuẩn IEC 60502-2										
221	Giáp núu dây bọc	- Dùng cho cáp bọc tiết diện 95 mm ² - Đường kính cáp: từ 25,55 - 27,2 mm - Lực kéo tiêu chuẩn: 28,5 kN - Chiều dài: 1143 mm	HTK-2555 / Mosdorfer / Thái Lan	Cái	60	378.000	22.680.000	8%	1.814.400	24.494.400	12 tháng	
222	Giáp buộc đầu sứ đơn	- Đường kính cáp: 23,1 - 27,94 mm - Đường kính giáp: (12 ± 0,5%) mm - Chiều dài (670 ± 3%) mm	HTK1-2263 / Maclean Dulhunty Power / Thái Lan	Cái	60	108.000	6.480.000	8%	518.400	6.998.400	12 tháng	
VI	Hệ thống chiếu sáng											
223	Bộ đèn led panel	- Điện áp: (150-250)Vac/50Hz - Công suất: 48W - Nhiệt độ màu: 6500 K - Quang thông: 5280 lm - Chip Led: Samsung - Cấp bảo vệ: IP40 - Kích thước (DxRxC): (1200x300x10) mm	P07 300x1200/48W / Rạng Đông / Việt Nam	Bộ	3	1.116.000	3.348.000	10%	334.800	3.682.800	12 tháng	
224	Đèn led nhà xưởng	- Điện áp 100-270 Vac - Công suất 100W - Tần số 50 Hz - Led Chip: COB-USA - Quang thông: 150 Lm/1W - Nhiệt độ màu 6500K - Kích thước (DxRxC): 250x210x210 Lampshade 500mm - Chất liệu vỏ: Nhôm hợp kim Lup Thủy tinh - Cấp bảo vệ IP54	DAXIN100-11 / Daxinco / Việt Nam	Cái	3	1.622.000	4.866.000	10%	486.600	5.352.600	12 tháng	
225	Đèn chiếu sáng nhà xưởng	- Loại đèn led HighBay chiếu sáng nhà xưởng - Điện áp: 220V/50Hz - Công suất: 150W - Dạng Chip Led: SMT - Nhiệt độ màu: 6500K	HB02 430/150W / Rạng Đông / Việt Nam	Bộ	3	1.461.000	4.383.000	10%	438.300	4.821.300	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Quang thông: 15000 lm - Kích thước (Đường kính x Cao): 450 x 345mm										
226	Đèn chiếu sáng nhà xưởng	- Loại đèn led HighBay chiếu sáng nhà xưởng - Điện áp: 220V/50Hz - Công suất: 100W - Dạng Chip Led: SMT - Nhiệt độ màu: 6500K - Quang thông: 15000 lm - Kích thước (Đường kính x Cao): 450 x 345mm	HB02 430/100W / Rạng Đông / Việt Nam	Bộ	3	1.461.000	4.383.000	10%	438.300	4.821.300	12 tháng	
227	Bóng led tube	- Điện áp: 170 - 250Vac/ 50 Hz - Công suất 20W - Led tube 1,2m, Đầu đèn xoay - Quang thông 2300 Lm - Nhiệt độ màu 6500K - Ánh sáng trắng - Vật liệu nhôm nhựa	T8 120/20W.DA / Rạng Đông / Việt Nam	Bóng	50	136.000	6.800.000	10%	680.000	7.480.000	12 tháng	
228	Bóng LED bulb	- Điện áp: 220 Vac - Công suất 20 W - Tần số: 50 Hz - Quang thông: 1900 Lm - Nhiệt độ màu: 6500K - Màu ánh sáng: trắng ngày - Sử dụng đuôi vặn E27 - Vật liệu: Nhôm nhựa	A95N1/20W / Rạng Đông / Việt Nam	Bóng	60	96.000	5.760.000	10%	576.000	6.336.000	12 tháng	
229	Máng đèn huỳnh quang công nghiệp	- Máng đèn dùng cho bóng huỳnh quang công nghiệp 1,2m, 2 bóng - Điện áp: 220VAC - Kích thước máng: L =1227, W=207, H=93	PIFC 236L36 / Paragon / Việt Nam	Bộ	30	755.000	22.650.000	10%	2.265.000	24.915.000	12 tháng	
230	Đèn led pha	- Công suất: 100W - Điện áp 220Vac/ 50Hz - Quang thông: 9500lm - Nhiệt độ màu: 6500K - Sử dụng chip LED SMT Samsung - Cấp bảo vệ: IP66	CP06/ 100W / Rạng Đông / Việt Nam	Bộ	3	1.220.000	3.660.000	10%	366.000	4.026.000	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
231	Đèn led pha	- Công suất: 150W - Điện áp 220Vac/50Hz - Quang thông: 13500 Lm - Nhiệt độ màu: 6500K - Chip Led: SMT Samsung - Ánh sáng trắng ngày - Cấp bảo vệ: IP66 - Vật liệu vỏ: Nhôm hợp kim + kính cường lực	CP06/ 150W / Rạng Đông / Việt Nam	Bộ	6	1.730.000	10.380.000	10%	1.038.000	11.418.000	12 tháng	
232	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	- Loại bóng: Led - Điện áp đầu vào: 220 Vac - Công suất: 2x3W - Tần số: 50 Hz - Dung lượng pin: (3.7Vdc-2.2Ah) - Sạc tự động - Bộ hiển thị sạc: đèn báo màu đỏ - Thời gian sạc đầy: 20 giờ - Thời gian hoạt động Ác quy: 6 giờ - Chức năng an toàn: tự ngắt khi nạp đầy	DKC04/6W / Rạng Đông / Việt Nam	Bộ	10	357.000	3.570.000	10%	357.000	3.927.000	12 tháng	
233	Đèn sự cố ốp trần	- Loại bóng Led - Điện áp: 220 - 240V/50Hz. - Công suất tiêu thụ: 3W - Loại Pin: 3.7V 2.6Ah. - Sạc: tự động. - Bộ hiển thị sạc: có đèn hiển thị - Thời gian sạc: 15 giờ. - Thời gian hoạt động của ắc quy: 3 giờ. - Chức năng an toàn: tự ngắt mạch khi nạp đủ - Cấp độ bảo vệ: IP65	PEMF3RC-G2 / Paragon / Việt Nam	bộ	3	1.622.000	4.866.000	10%	486.600	5.352.600	12 tháng	Giấy chứng nhận kiểm định PCCC, tem kiểm định.
234	Đèn đường năng lượng mặt trời	- Công suất: 150W - Chip led: 3*Chip COB - Panel: 670* 540*30mm - Kích thước đèn led: 850*330*80mm - Solar Panel: Mono 6V/55W - Quang thông: 120lm/W - Nhiệt độ màu: 6000K	TBD- 150WCOB / TBD / Việt Nam	Bộ	1	3.514.000	3.514.000	10%	351.400	3.865.400	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Ánh sáng trắng - Dung lượng Pin: 3.2V/60.000mAh - Chất liệu đèn: hợp kim nhôm - Thời gian sạc: 6 - 8 giờ - Thời gian chiếu sáng ngày: 12-14h - Chỉ số IP: IP65										
235	Dây cáp điện màu đỏ	- Loại cáp hạ thế 0.6/1kV - Vật liệu cách điện: PVC - Vật liệu dây dẫn: Đồng nhiều lõi - Tiết diện dây: 2x2,5 mm2 - Màu sắc: đỏ - Cấp điện áp: 300/500 V - Quy cách 100m/ cuộn	VCmd 2x2.5 mm2 / Cadivi / Việt Nam	mét	100	20.000	2.000.000	10%	200.000	2.200.000		
236	Dây cáp điện màu xanh	- Loại cáp hạ thế 0.6/1kV - Vật liệu cách điện: PVC - Vật liệu dây dẫn: Đồng nhiều lõi - Tiết diện dây: 2x2,5 mm2 - Màu sắc: xanh - Cấp điện áp: 300/500 V - Quy cách 100m/ cuộn	VCmd 2x2.5 mm2 / Cadivi / Việt Nam	mét	100	20.000	2.000.000	10%	200.000	2.200.000		
237	Dây cáp điện	- Chất liệu ruột dẫn: Đồng mềm nhiều lõi - Tiết diện dây 4x4 mm2 - Số lõi: 4 - Vật liệu cách điện: PVC - Màu sắc: xanh - Cấp điện áp 0,6/1kV - Quy cách: 100m/ cuộn	CVV 4x4 mm2 / Cadivi / Việt Nam	Mét	100	70.000	7.000.000	10%	700.000	7.700.000		
238	Quạt làm mát	- Điện áp định mức: 230 Vac/ 50 Hz - Công suất: 65W - Dòng điện: 0,45A - Lưu lượng gió: 450 m3/h - Tốc độ: 2600 rpm - Kích thước (DxRxC) mm: 200 x 200 x 60	AF-200-S-A230 / Ilec / Trung Quốc	Cái	1	473.000	473.000	8%	37.840	510.840	12 tháng	
239	Ổ cắm đôi	- Loại 3 chấu có màn che và có dây nối đất - Điện áp định mức: 250Vac	WEV1582-7SW /	Bộ	10	135.000	1.350.000	8%	108.000	1.458.000		

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Dòng điện định mức: 16A - Màu sắc trắng - Vật liệu: Làm từ nhựa chống cháy - Bao gồm các bu lông, đế âm, mặt	Panasonic / Trung Quốc									
240	Ổ cắm đa năng	- Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, nhựa cách điện - Điện áp định mức: 250Vac - Dòng điện định mức: 13A - Màu sắc trắng - Bao gồm các bu lông, đế âm, mặt	WEBP1041S W-P / Panasonic / Trung Quốc	Bộ	10	216.000	2.160.000	8%	172.800	2.332.800		
241	Hạt công tắc 1 chiều	- Điện áp định mức 220Vac - Dòng điện 10A - Màu: Trắng sứ - Kiểu: Hạt tròn nhỏ, 2 chân có vít đồng bắt dây	S30/1/2M / Sino / Việt Nam	Cái	20	14.000	280.000	8%	22.400	302.400		
242	Hạt công tắc 2 chiều	- Điện áp định mức 220Vac - Dòng điện 10A - Màu: Trắng sứ	S30M / Sino / Việt Nam	Cái	5	20.000	100.000	8%	8.000	108.000		
243	Mặt cho công tắc 1 lỗ	- Màu trắng - Kiểu mặt 1 lỗ	S981/X / Sino / Việt Nam	Cái	5	11.000	55.000	8%	4.400	59.400		
244	Mặt cho công tắc 2 lỗ	- Màu trắng - Kiểu mặt 2 lỗ	S982/X / Sino / Việt Nam	Cái	5	11.000	55.000	8%	4.400	59.400		
245	Đế âm vuông	- Màu trắng - Kích thước (80 x 80 x 40) mm	E265/1GY / Sino / Việt Nam	Cái	10	47.000	470.000	8%	37.600	507.600		
246	Đế âm đơn	- Màu trắng - Kích thước W65 x L106 x H40mm	S2157 / Sino / Việt Nam	Cái	10	5.000	50.000	8%	4.000	54.000		
247	Chiết áp quạt trần	- Công suất: 700W - Điện áp: 220-240V - Chất liệu: nhựa ABS - Kích thước: 43,4 x 23 x 47,1± 0.1mm - Màu sắc trắng - Bao gồm các bu lông, đế âm, mặt cho 3 thiết bị	NDF603FL / Nanoco / Việt Nam	Cái	10	68.000	680.000	8%	54.400	734.400		
248	Công tắc cảm biến ánh sáng	- Điện áp định mức: 220Vac - Dòng điện lớn nhất: 10A - Công suất đầu ra 2200W - Kích thước: 4,5 x 4,2 x 3,5mm	AS-10 / Etomax / Trung Quốc	Cái	5	378.000	1.890.000	8%	151.200	2.041.200		

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Tự động bật khi trời tối < 30 lux - Tự động tắt khi trời sáng > 150 lux										
249	Công tắc Radar vi sóng	- Điện áp: 220 - 240V/50 - 60Hz. - Công suất chịu tải: max 1200W (tải trở), max 300W (tải dung). - Cảm biến radar vi sóng phát hiện chuyển động. - Thời gian trễ: từ 8 giây – 12 phút (tùy chỉnh). - Khoảng cách phát hiện: 1 – 8 m (tùy chỉnh). - Cảm biến ánh sáng: 2 – 2000 Lux (tùy chỉnh). - Góc quét: 360°. - Hệ thống tần số cao: 5.8GH CW radar, ISM band. - Nhiệt độ hoạt động: -20°C ~ +50°C. - Công suất tiêu thụ: < 0.9W	LQ-K06 / Etomax / Trung Quốc	Cái	15	378.000	5.670.000	8%	453.600	6.123.600		
VII	Hệ thống điều hòa không khí											
250	Máy điều hòa nhiệt độ	- Máy điều hòa nhiệt độ kiểu đứng, 3 pha - Điện áp định mức: 380 - 415Vac/ 50Hz - Điện năng tiêu thụ 3,7kW - Công suất làm lạnh: 42.000 Btu/h - Loại máy: không Inverter, 1 chiều, làm lạnh - Loại ga sử dụng R32 - Ống kết nối lỏng/ Ống kết nối hơi (mm): 9,5/15,9 - Chiều dài ống gas tối đa (m): 50 - Chênh lệch độ cao tối đa (m): 30 - Dàn lạnh: + Model dàn lạnh: FVC125AV1V + Lưu lượng gió (cfm): 1240/1144/1040 + Kích thước dàn lạnh: 1850 x 600 x 350 mm - Dàn nóng: + RC125AGY1V + Kích thước dàn nóng: 852 x 1030 x400 mm - Phụ kiện kèm theo: Ống đồng 15 mét, ống bảo 15 mét	FVC125AV1V / RC125AGY1V / Daikin / Malaysia	Bộ	2	52.703.000	105.406.000	10%	10.540.600	115.946.600	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
VIII	Hệ thống nước sinh hoạt											
251	Công tắc phao	- Kín nước: ép chân không, siêu kín, an toàn - Điện áp làm việc: 220 – 250 V AC - Dây dẫn: 3m - Công suất tải tối đa: 2HP - Tiếp điểm: 1NO, 1NC - Cấp độ bảo vệ IP68	ATA AT-3M / ATA / Việt Nam	Bộ	2	230.000	460.000	8%	36.800	496.800	12 tháng	
252	Đèn pha led 400W	- Công suất: 400W - Chip Led: SMD Bridgelux - Nhiệt độ màu: 6000K - Ánh sáng trắng - Cấp độ bảo vệ IP67 - Kích thước: (610 x 315 x 125) mm	TDLF-MTT400 / TDL / Việt Nam	Cái	3	5.676.000	17.028.000	10%	1.702.800	18.730.800	12 tháng	
253	Công tắc thông minh 1	- Điện áp: 220Vac/50-60 Hz - Dải điện áp hoạt động: (150-250) Vac - Công suất Max: 2500 W - Chuẩn điều khiển: Wifi - Mặt kính: Cường lực chống xước - Viên: Viên nhựa - Kích thước: (120x72x34) mm	RD-CT.01.WF.NL / Rạng Đông / Việt Nam	Cái	10	649.000	6.490.000	8%	519.200	7.009.200	12 tháng	
254	Công tắc thông minh 2	- Điện áp: 220Vac/50-60 Hz - Dải điện áp hoạt động: (150-250) Vac - Công suất Max: 300 W - Chuẩn điều khiển: Wifi - Mặt kính: Cường lực chống xước - Viên: Viên nhựa - Kích thước: (120x72x34) mm	RD-CT.02.BLE / Rạng Đông / Việt Nam	Cái	10	649.000	6.490.000	8%	519.200	7.009.200	12 tháng	
255	Đèn trụ tròn năng lượng mặt trời	- Pin: Lithium 18650-4.2 - Dung lượng: 5.000mAh - Thời gian sáng liên tục >12h/ ngày - Tấm Pin: 5W/6V - Màu sắc: Trắng/vàng - Kích thước: 250 x 250 x 280mm	GV25 / Green / Việt Nam	Cái	3	1.689.000	5.067.000	10%	506.700	5.573.700	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
256	Chiết áp quạt	- Công suất: 700W - Điện áp: 220-240V - Chất liệu: nhựa ABS - Kích thước: 43,4 x 23 x 47,1± 0.1mm - Màu sắc trắng - Bao gồm các bu lông, đế âm, mặt cho 3 thiết bị	NDF603W / Nanoco / Việt Nam	Cái	10	68.000	680.000	8%	54.400	734.400		
IX	Hệ thống xử lý nước thải											
F.3	TỔ THÍ NGHIỆM ĐIỆN											
I	Các hệ thống thiết bị thuộc tổ máy H1											
I.1	Máy biến thế chính											
I.2	Hệ thống kích từ											
257	Tụ điện	- Điện áp 330 Vac - Tần số 50/60 Hz - Thời gian sử dụng >10000 hrs. - Dung lượng: 10μF± 5% - Vỏ bằng nhôm, dạng tròn	5E10 / Daeshine / Trung Quốc	cái	3	135.000	405.000	10%	40.500	445.500		
I.3	Hệ thống điều tốc											
258	Đầu nối valve solenoid	- Cổng nối solenoid: 2 +PE - Cổng nối cấp: 6-8mm - Công suất công: 230V/ 10A - Led chỉ thị: màu đỏ - Vật liệu: PA - Jack nối 220Vdc - Cấp độ bảo vệ IP65	DIN EN 175301-803 / Aumi / Việt Nam	cái	5	203.000	1.015.000	10%	101.500	1.116.500	12 tháng	
259	Rơ trung gian	- Điện áp cuộn dây: 24Vdc - Số tiếp điểm: 3 NO + 3 NC - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/10A	RXM3AB2BD / Schneider / Indonesia	cái	10	230.000	2.300.000	8%	184.000	2.484.000	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Lấy test và đèn Led: có - Loại 11 chân dẹt										
260	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 220Vac - Số tiếp điểm: 3 NO + 3 NC - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/10A - Lấy test và đèn Led: có - Loại 11 chân dẹt	RXM3AB2P7 / Schneider / Indonesia	cái	2	230.000	460.000	8%	36.800	496.800	12 tháng	
261	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 220Vdc - Số tiếp điểm: 4 NO + 4 NC - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/6A - Lấy test và đèn Led: có - Loại 14 chân dẹt	RXM4AB1MD / Schneider / Indonesia	cái	2	230.000	460.000	8%	36.800	496.800	12 tháng	
I.4	Hệ thống điều khiển, giám sát											
262	Bộ chuyển đổi RS232/RS485	- Tín hiệu đầu vào: RS232/RS485 - Nguồn: 12V - 36VDC - Tín hiệu RS232: TX, RX, GND - Tín hiệu RS485: D+, D-, GND - Tín hiệu RS-422: T +, T-, R +, R-, GND - Tốc độ truyền 300-115200bps - Khoảng cách truyền: phía RS-485: 3 km; phía RS-232 < 5m - Kết nối RS-232: DB9 Female, RS-422: DB9 - Công bảo vệ chống sét lan truyền 1500W, bảo vệ ESD 15kV - Nhiệt độ hoạt động -40 ~ 80 độ C	SW485GI / 3Onedata / Trung Quốc	cái	2	3.378.000	6.756.000	8%	540.480	7.296.480	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
I.5	Hệ thống đầu điều khiển											
263	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 220 Vac - Loại 14 chân dẹt - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 5A - Số tiếp điểm: 4 NO + 4 NC - Led chỉ thị: có	DRM570730LT / Weidmüller / Trung Quốc	cái	10	162.000	1.620.000	8%	129.600	1.749.600	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Lấy lock và nút test: có - Bao gồm để gắn										
264	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 24Vdc - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 5 A - Số tiếp điểm: 4 NO, 4 NC - Loại 14 chân dẹt - Có lẫy test và có đèn Led	DRM 570024LT / Weidmüller / Trung Quốc	cái	20	162.000	3.240.000	8%	259.200	3.499.200	12 tháng	
265	Áp tô mát 1 cực	- Loại 1P - Điện áp định mức: 230Vac - Dòng định mức: 6A - Dòng cắt định mức 10kA	A9F84106 / Schneider / Ấn Độ	cái	2	176.000	352.000	8%	28.160	380.160	12 tháng	
266	Áp tô mát 2 cực	- Loại 2P - Điện áp định mức: 500Vdc - Dòng định mức: 10A - Dòng cắt định mức 6kA	A9N61528 / Schneider / Trung Quốc	cái	2	1.419.000	2.838.000	8%	227.040	3.065.040	12 tháng	
267	Áp tô mát 1 cực	- Loại 1P - Điện áp định mức: 220Vdc - Dòng định mức: 10A - Dòng cắt định mức 10kA	A9N61508 / Schneider / Trung Quốc	cái	2	176.000	352.000	8%	28.160	380.160	12 tháng	
268	Áp tô mát 1 cực	- Loại 1P - Điện áp định mức: 230Vac - Dòng định mức: 4A - Dòng cắt định mức 6kA	A9F74104 / Schneider / Ấn Độ	cái	4	176.000	704.000	8%	56.320	760.320	12 tháng	
269	Đầu nối valve solenoid	- Cổng nối solenoid: 2 +PE - Cổng nối cấp: 6-8mm - Công suất công: 24Vdc/ 10A - Led chỉ thị: màu đỏ - Vật liệu: PA - Cấp độ bảo vệ IP65	DIN EN 175301-803 / Aumi / Việt Nam	cái	20	203.000	4.060.000	10%	406.000	4.466.000	12 tháng	
I.6	Hệ thống nước kỹ thuật tổ máy											
270	Dây cáp điện	- Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - Chất liệu ruột dẫn: Đồng mềm nhiều lõi - Tiết diện dây: 8x1.5 mm2	DVV/Sc- 8x1,5 mm2 /	m	15	81.000	1.215.000	10%	121.500	1.336.500		

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Số lõi: 8 - Vật liệu cách điện: PVC - Màu sắc: xanh - Cấp điện áp 0,6/1kV	Cadivi / Việt Nam									
271	Dây cáp điện	- Cấp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - Chất liệu ruột dẫn: Đồng mềm nhiều lõi - Tiết diện dây: 4x1.5 mm ² - Số lõi: 4 - Vật liệu cách điện: PVC - Màu sắc: xanh - Cấp điện áp 0,6/1kV	DVV/Sc-4x1,5 mm ² / Cadivi / Việt Nam	m	15	49.000	735.000	10%	73.500	808.500		
272	Áp tô mát 1 cực	- Loại 1P - Điện áp định mức: 230Vac - Dòng định mức: 10A - Dòng cắt định mức 6kA	A9F74110 / Schneider / Ấn Độ	Cái	1	176.000	176.000	8%	14.080	190.080	12 tháng	
273	Áp tô mát 3 cực	- Loại 3P - Điện áp định mức: 400Vac - Dòng định mức: 16A - Dòng cắt định mức 10kA	A9F74316 / Schneider / Ấn Độ	Cái	1	649.000	649.000	8%	51.920	700.920	12 tháng	
274	Nút nhấn màu xanh	- Kiểu nhấn nhả - Đường kính lỗ: 22mm - Số tiếp điểm: 1NO - Điện áp tiếp điểm 220Vac/ 3A - Kèm tiếp điểm phụ: 1NC - Loại không đèn, Màu xanh	XA2EA31 / Schneider / Trung Quốc	Cái	1	68.000	68.000	8%	5.440	73.440		
275	Nút nhấn màu đỏ	- Kiểu nhấn nhả - Đường kính lỗ: 22mm - Số tiếp điểm: 1NC - Điện áp tiếp điểm 240Vac/ 3A - Kèm tiếp điểm phụ: 1NO - Loại không đèn, Màu đỏ	XA2EA4342 / Schneider / Trung Quốc	Cái	1	68.000	68.000	8%	5.440	73.440		
276	Đèn hiệu màu xanh	- Điện áp định mức 220Vac - Đèn hiệu màu xanh - Đường kính lỗ: 22mm	XA2EVM3LC / Schneider / Trung Quốc	Cái	1	68.000	68.000	10%	6.800	74.800		

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
277	Đèn hiệu màu đỏ	- Điện áp định mức 220Vac - Đèn hiệu màu đỏ - Đường kính lỗ: 22mm	XA2EVM4LC / Schneider / Trung Quốc	Cái	1	68.000	68.000	10%	6.800	74.800		
278	Công tắc tơ 3 cực	- Loại 3P - Điện áp định mức: 400 Vac - Điện áp cuộn dây: 220VAC - Dòng định mức: 9A - Số tiếp điểm: 1NO + 1NC - Sử dụng được cho loại Rơ le nhiệt LRD14	LC1D09M7 / Schneider / Indonesia	Cái	2	68.000	136.000	8%	10.880	146.880	12 tháng	
I.7	Hệ thống cấp nguồn tự dùng DC và Inverter											
279	Module giám sát ắc quy 1	- Điện áp đầu vào: 100-240VAC - Tần số 50/60Hz - Dòng điện lớn nhất: 0,4A	CM-06N / Huasu / Trung Quốc	Cái	1	162.162.000	162.162.000	8%	12.972.960	175.134.960	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
280	Module giám sát ắc quy 2	- Điện áp: 10,8-13,8VDC - Dòng điện lớn nhất: 0,1A	TC-500 / Huasu / Trung Quốc	Cái	1	20.270.000	20.270.000	8%	1.621.600	21.891.600	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
281	Module giám sát điện áp bình ắc quy	- Điện áp: 1,5 - 2,5VDC - Dòng điện lớn nhất: 13mA	H3G-TA-02 / Huasu / Trung Quốc	Cái	4	676.000	2.704.000	8%	216.320	2.920.320	12 tháng	
282	Dây kết nối bình ắc quy vào bộ module	Sử dụng tương thích với loại module H3G-TA-02	BC4Bxx / Huasu / Trung Quốc	Cái	20	541.000	10.820.000	8%	865.600	11.685.600		
283	Thiết bị cảm biến nhiệt độ	- Loại 2 kênh RTD (6 đầu ra) - Loại PT100	WZPK2-1016 / Jiangxu	cái	3	3.784.000	11.352.000	10%	1.135.200	12.487.200	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Dải nhiệt độ: 0-150 độ C - Kích thước: dài 225mm, đường kính Ø12 - Ren vận: M22x1,5x30mm	Zhaolong Electrics / Trung Quốc									quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
II	Các hệ thống thiết bị thuộc tổ máy H2											
II.1	Máy phát thủy lực											
284	Rơ le thời gian	- Màn hình hiển thị Led - Cài đặt thời gian dạng phím cơ chỉ thị số - Hai dải thời gian cài đặt và hoạt động riêng biệt - Điện áp định mức: 220Vac/ 50Hz - Số tiếp điểm: 1NO + 1NC - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 5A - Loại 8 chân tròn - Dải cài đặt: 0,1s – 99h	DH48S-S / Omron / Nhật Bản	cái	2	203.000	406.000	8%	32.480	438.480	12 tháng	
II.2	Máy biến thế chính											
285	Rơ le nhiệt	- Loại 3P - Điện áp định mức: 400 Vac - Dải dòng điện: 7 - 10 A - Số tiếp điểm: 1NO, 1NC - Sử dụng được cho loại contactor LC1D09	LRD14 / Schneider / Thái Lan	cái	5	486.000	2.430.000	8%	194.400	2.624.400	12 tháng	
II.3	Hệ thống điều tốc											
II.4	Hệ thống điều khiển giám sát											
II.5	Hệ thống điều khiển											
286	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 220 Vac - Loại 14 chân dẹt - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 5A - Số tiếp điểm: 4 NO + 4 NC	DRM570730L T / Weidmüller / Trung Quốc	cái	5	162.000	810.000	8%	64.800	874.800	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Led chỉ thị: có - Lấy lock và nút test: có - Bao gồm đế gắn										
287	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 24Vdc - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 5 A - Số tiếp điểm: 4 NO, 4 NC - Loại 14 chân dẹt - Có lẫy test và có đèn Led	DRM 570024LT / Weidmüller / Trung Quốc	cái	10	162.000	1.620.000	8%	129.600	1.749.600	12 tháng	
288	Áp tô mát 2 cực	- Loại 2P - Điện áp định mức: 230Vac - Dòng định mức: 10A - Dòng cắt định mức 10kA	A9F84210 / Schneider / Ấn Độ	cái	1	1.081.000	1.081.000	8%	86.480	1.167.480	12 tháng	
289	Áp tô mát 1 cực	- Loại 1P- Điện áp định mức: 230Vac - Dòng định mức: 6A - Dòng cắt định mức 10kA	A9F84106 / Schneider / Ấn Độ	cái	1	405.000	405.000	8%	32.400	437.400	12 tháng	
290	Áp tô mát 2 cực	- Loại 2P - Điện áp định mức: 500Vdc - Dòng định mức: 10A - Dòng cắt định mức 6kA	A9N61528 / Schneider / Trung Quốc	cái	1	1.419.000	1.419.000	8%	113.520	1.532.520	12 tháng	
291	Áp tô mát 1 cực	- Loại 1P - Điện áp định mức: 250Vdc - Dòng định mức: 10A - Dòng cắt định mức 5kA	MGN61508 / Schneider / Trung Quốc	cái	1	541.000	541.000	8%	43.280	584.280	12 tháng	
292	Áp tô mát 1 cực	- Loại 1P - Điện áp định mức: 230Vac - Dòng định mức: 4A - Dòng cắt định mức 6kA	A9F74104 / Schneider / Ấn Độ	cái	1	176.000	176.000	8%	14.080	190.080	12 tháng	
II.6	Hệ thống nước kỹ thuật											
293	Bộ điều khiển	- CPU lập trình điều khiển - Cổng: 2 PROFINET - Bộ nhớ chương trình 125kB - Onboard I/O: 14 DI 24 V DC; 10 DO 24 V DC; 0.5A; 2 AI 0-10 V DC, 2 AO 0-20 mA DC - Điện áp định mức: 20,4-28,8 Vdc	S71200 CP1215C/ 6ES7215- 1AG40-0XB0 / Siemens / Trung Quốc	bộ	1	10.811.000	10.811.000	8%	864.880	11.675.880	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
												hoặc bản sao y công chứng
294	Dây cáp điện	- Tiết diện: 0,5mm - Số đôi cáp: 10 - Vỏ bọc nhựa Polyethylene	10x2x0,5 mm2 / Saicom / Việt Nam	m	20	27.000	540.000	10%	54.000	594.000		
295	Tiếp điểm công tắc tơ	- Điện áp định mức tiếp điểm: 400Vac/ 10A - Số tiếp điểm phụ: 2NO	LADN20 / Schneider / Pháp	cái	2	162.000	324.000	8%	25.920	349.920	12 tháng	
296	Khóa cửa tủ	- Loại khóa bấm gạt từ điện - Chất liệu: Kẽm đúc mạ Chrome - Bộ phận cố định cam mạ kẽm, sơn tĩnh điện - Độ dày cửa : 1~4mm - Có chìa khóa K0200 kèm theo	AB301-1-1 / Hengzhu / Trung Quốc	bộ	10	220.000	2.200.000	8%	176.000	2.376.000		
II.7	Hệ thống tự dùng AC tổ máy											
297	Rơ le giám sát điện áp	- Điện áp định mức: 100VAC - Loại rơ le cơ - Số tiếp điểm 1NO + 1NC	DY-51 / XJ / Trung Quốc	cái	1	3.378.000	3.378.000	8%	270.240	3.648.240	12 tháng	
298	Rơ le giám sát dòng điện	- Loại rơ le cơ - Dòng In: 5A	LL-7A/3 / XJ / Trung Quốc	cái	1	3.378.000	3.378.000	8%	270.240	3.648.240	12 tháng	
II.8	Hệ thống điều khiển nhà máy											
299	Bộ chuyển đổi RS232/RS485	- Tín hiệu đầu vào: RS232/RS485 - Nguồn: 12V - 36VDC - Tín hiệu RS232: TX, RX, GND - Tín hiệu RS485: D+, D-, GND - Tín hiệu RS-422: T +, T-, R +, R-, GND - Tốc độ truyền 300-115200bps - Khoảng cách truyền: phía RS-485: 3 km; phía RS-232 < 5m - Kết nối RS-232: DB9 Female, RS-422: DB9 - Cổng bảo vệ chống sét lan truyền 1500W, bảo vệ	SW485GI / 3Onedata / Trung Quốc	cái	8	2.500.000	20.000.000	8%	1.600.000	21.600.000	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		ESD 15kV - Nhiệt độ hoạt động -40 ~ 80 độ C										
III	Thiết bị Đập tràn											
III.1	Hệ thống đo mực nước											
III.2	Hệ thống giám sát thông số thiết bị Đập tràn (tại HTĐK nhà máy) LCU6											
300	Bộ chuyển đổi RS232/RS485	- Tín hiệu đầu vào: RS232/RS485 - Nguồn: 12V - 36VDC - Tín hiệu RS232: TX, RX, GND - Tín hiệu RS485: D+, D-, GND - Tín hiệu RS-422: T +, T-, R +, R-, GND - Tốc độ truyền 300-115200bps - Khoảng cách truyền: phía RS-485: 3 km; phía RS-232 < 5m - Kết nối RS-232: DB9 Female, RS-422: DB9 - Cổng bảo vệ chống sét lan truyền 1500W, bảo vệ ESD 15kV - Nhiệt độ hoạt động -40 ~ 80 độ C	SW485GI / 3Onedata / Trung Quốc	cái	1	3.378.000	3.378.000	8%	270.240	3.648.240	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
III.3	Hệ thống cấp nguồn AC 400V											
301	Bình Ắc quy	- Kiểu ắc quy: AGM VRLA (kín khí, không cần bảo dưỡng) - Điện áp 12 VDC - Dung lượng 80 Ah - Kích thước (DxRxC): 350 x 167 x 179 mm	6FM80-X / Vision / Việt Nam	cái	16	3.203.000	51.248.000	8%	4.099.840	55.347.840	12 tháng	CQ bản gốc hoặc bản sao y công chứng.

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
302	Đầu kẹp cọc bình ắc quy	- Chất liệu: đồng - Đường kính trong đầu kẹp: 15-18mm - Đầu kẹp siết bằng đai ốc - Có chụp nhựa bảo vệ cách điện - Có đai ốc siết cáp nổi - Phù hợp lắp cho bình Ắc quy 6FM80-X (12V – 80Ah)/ Vision	CB-CR13 / Duy Phát / Việt Nam	cái	32	34.000	1.088.000	8%	87.040	1.175.040		
III.4	Hệ thống xử lý môi trường											
III.5	Hệ thống còi hú											
III.6	Hệ thống bơm thoát nước hành lang Đập											
303	Tiếp điểm mực nước	- Kín nước: ép chân không, siêu kín, an toàn - Điện áp làm việc: 220 – 250 V AC - Dây dẫn: 5m - Công suất tải tối đa: 2HP - Tiếp điểm: 1NO, 1NC - Cấp độ bảo vệ IP68	ATA AT-5M / ATA / Việt Nam	cái	3	230.000	690.000	8%	55.200	745.200	12 tháng	
III.7	Hệ thống quan trắc thông số Đập											
304	Cảm biến quan trắc đo sự chuyển vị	- Dạng cảm biến: Cảm biến dây rung - Dài đo: Đến 100mm - Độ phân giải: 0,025% F.S. - Độ chính xác: ±0,1% F.S. - Phi tuyến tính: <0,5% F.S. - Phạm vi nhiệt độ: - 20 độ C đến 80 độ C - Đường kính: 8 mm (trục); 25 mm (cuộn dây) - Kiểu lắp đặt: Đứng, ngang - Khả năng chịu xung chấn động đất: Cấp 7 - Kèm theo 1m cáp + chân đế lắp	4420-1-100mm / Geokon / Mỹ	cái	6	19.757.000	118.542.000	10%	11.854.200	130.396.200	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
305	Cáp đồng trục	- Loại: 8 dây, 4 cặp xoắn, 22AWG - Cách điện dây dẫn: 10mil HDPP - Đường kính dây dẫn: 9.5mm - Dải nhiệt độ làm việc: (- 20 - 60) độ C	04-375VT1 / Geokon / Mỹ	m	100	362.000	36.200.000	10%	3.620.000	39.820.000	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
IV	Trạm phân phối (220kv)											
IV.1	Phát tuyến đường dây truyền tải 220 KV (271, 272, 273, 274)											
306	Công tắc tơ 3 cực	- Số cực: 3P - Điện áp cuộn dây 220Vdc - Dòng điện định tiếp điểm: 230Vac/10A; 400Vac/6A - Số tiếp điểm phụ: 4NO + 4NC	3TH4244-5MM4 / Siemens / Thổ Nhĩ Kỳ	cái	2	2.162.000	4.324.000	8%	345.920	4.669.920	12 tháng	
307	Công tắc tơ 3 cực	- Số cực: 3P - Điện áp cuộn dây 220Vdc - Dòng điện định mức 10A - Số tiếp điểm phụ: 2NO + 2NC - Điện trở tiếp điểm: 230Vac/ 2A	700-K22Z-ZA / Allen Bradley / Thụy Sĩ	cái	1	2.351.000	2.351.000	8%	188.080	2.539.080	12 tháng	
IV.2	Hệ thống điều khiển trạm (LCU5)											
308	Rơ le giám sát điện áp	- Điện áp định mức: 24~240 Vac/dc - Dải đo: + 3 - 30 V + 6 - 60 V + 30 - 300 V + 60 - 600 V - Số tiếp điểm: 2NO + 2NC - Dải cài đặt thời gian: 0,1- 30 s	CM-ESS.MS/1SVR730830R 0500 / ABB / Đức	cái	1	4.865.000	4.865.000	8%	389.200	5.254.200	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
309	Bộ đo lường điện	- Hiển thị: VFD 0.28", màn hình màu - Tín hiệu đầu vào: + Điện áp: 10 - 600Vac - Dòng điện: 0 – 1,2A - Tần số: 40 - 70Hz - Tỷ số CT: 1200/1A - Cấp chính xác: 0,15% - Nguồn cấp: 20 - 60Vdc - Chuẩn truyền thông: RS485 - Ngõ ra: 4-20mA	HC6010 / Hsiang cheng / Trung Quốc	bộ	1	16.892.000	16.892.000	8%	1.351.360	18.243.360	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
IV.3	Thiết bị CNN, đường hầm, nhà van, đường ống AL, hạ lưu											
310	Bình ắc quy	- Loại ắc quy axit chì - Công nghệ X-Frame - Điện áp: 12 VDC - Dung lượng: 80Ah	MF58043 / AtlasBX / Hàn Quốc	cái	1	2.568.000	2.568.000	8%	205.440	2.773.440	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
V	Hệ thống khác											
V.1	Hệ thống báo cháy, chữa cháy											
311	Đầu dò báo khói	- Loại đầu dò khói địa chỉ - Nhiệt độ làm việc: 0-49 độ C - Điện áp làm việc 24VDC - Dòng làm việc 6,5 mA	FSP-951 / Notiffier / Mexico	Cái	5	2.297.000	11.485.000	10%	1.148.500	12.633.500	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng - Giấy chứng nhận kiểm

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
												định PCCC, tem kiểm định
V.2	Hệ thống thông gió											
312	Rơ le nhiệt	- Loại 3P - Dải dòng điện: 55-70 A - Số tiếp điểm: 1NO + 1NC - Sử dụng được cho loại contactor LC1D80	LRD3361 / Schneider / Trung Quốc	cái	5	1.081.000	5.405.000	8%	432.400	5.837.400	12 tháng	
313	Cầu chì sứ	- Điện áp định mức: 500 VAC - Dòng điện định mức 4A - Vật liệu bằng sứ - Kích thước cầu chì: 10x38 mm - Sử dụng để cầu chì: RT18-32	RT14-20 / Miro / Trung Quốc	cái	5	14.000	70.000	8%	5.600	75.600		
V.3	Hệ thống công nghệ thông tin và liên lạc											
314	Cáp mạng	- Đường kính sợi đồng đơn: 0,58 (± 0,02) mm - Lõi đồng: 23AWG - Đường kính dây: 7.8±0.2mm - Tốc độ truyền dẫn: 1Gbps - Băng thông: 250MHz - Bọc chống nhiễu: 1 lớp bọc 4 cặp - Điện dung: 5,6nF/100m - Trở kháng: 100 ohm (±15%) - Điện trở dây dẫn: Max 66,58 ohm/1km - Điện áp 300Vac/dc - Quy cách: 305 mét/ cuộn	70317 / Ugreen / Trung Quốc	Cuộn	1	7.973.000	7.973.000	10%	797.300	8.770.300	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
315	Ổ cắm 4 lỗ	- Công suất tối đa: 2200W - 10A - Số ổ cắm: 4 ổ 3 chấu - Chiều dài dây: 3 mét - Số lõi dây: 2 - Công tắc bật tắt: 4 - Bảo vệ quá tải bằng CB 10A	4DOF32WN / Lioa / Việt Nam	cái	5	264.000	1.320.000	8%	105.600	1.425.600	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
316	Cáp chuyển đổi	- Ngõ vào: USB Type A (3.0) - Đầu ra 1: Cổng RJ45 Gigabit Ethernet - Đầu ra 2: USB 3.0 A × 3 - Đầu ra 3: USB-C Female DC 5V / 2A - Hỗ trợ truy cập mạng 10/100 hoặc 1000Mbps - Tương thích với IEEE 802.3, 802.3u và 802.3ab (10BASE-T, 100BASE-TX và 1000BASE-T)	60554 / Ugreen / Trung Quốc	Cái	1	676.000	676.000	10%	67.600	743.600		
317	Đầu chuyển đổi quang 1	- Chuẩn chuyển đổi: LC-FC - Suy hao trung bình: <=0,2dB	LC-FC / TP / Việt Nam	cái	3	135.000	405.000	8%	32.400	437.400		
318	Đầu chuyển đổi quang 2	- Chuẩn chuyển đổi: LC-SC - Suy hao trung bình: <=0,2dB	LC-SC / TP / Việt Nam	cái	3	135.000	405.000	8%	32.400	437.400		
319	Rập nối quang đa năng	- Loại cáp hỗ trợ: Single, multi mode - Suy hao chèn: 0,5 dBm - Lực kéo căng: >=1 pound	3M Fibrlok II 2529 / 3M / Việt Nam	cái	10	14.000	140.000	10%	14.000	154.000		
320	Đầu nối mạng RJ45	- Nối dây mạng RJ45 - Cấu tạo: Nhựa PVC màu trắng, hình trụ tròn - Tốc độ truyền tải tín hiệu hỗ trợ: 10Gbps - Chuẩn cáp: Lan RJ45	20391 / Ugreen / Trung Quốc	cái	10	108.000	1.080.000	10%	108.000	1.188.000		
321	Đầu bấm mạng RJ45	- Được thiết kế cho cáp Cat 6 UTP (1000 Mbps) - Chất liệu: Đồng mạ vàng	20840 / Ugreen / Trung Quốc	Hộp	2	4.000	8.000	10%	800	8.800		
322	Bộ phát wifi	- Tốc độ tối đa lên đến 3200Mbps. - 8 Ăng ten ngoài vô hướng. - Hỗ trợ 2 băng tần 2.4GHz, 4x4 và 5GHz, 4x4 - Chuẩn 802.11a/b/g/n/ac/ax Wave2, MU-MIMO. - 1 cổng 10/100/1000M WAN (Auto MDI/MDIX), 4 cổng 10/100/1000M LAN (Auto MDI/MDIX). - Nguồn điện: 12VDC/ 2,5A - Phụ kiện kèm theo: Bao gồm adapter 12Vdc và Anten rời đi kèm	RG-EW3200GX Pro / Ruijie / Trung Quốc	Cái	3	3.108.000	9.324.000	10%	932.400	10.256.400	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
323	Bộ chia mạng	- Giao diện: 8 x 1 Gigabit copper ports - Tốc độ port: 100/1000 - Khả năng chuyển mạch: 16Gbps - Điện áp định mức: 12Vdc/ 1A	CBS110-8T-D-EU / Cisco / Trung Quốc	Cái	2	1.486.000	2.972.000	10%	297.200	3.269.200	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
												hoặc bản sao y công chứng
V.4	Hệ thống an ninh, camera giám sát											
324	Dây Cáp LAN	- Số cặp: 4 cặp xoắn đôi - Lõi đồng nguyên chất, vỏ PVC - Quy cách: 305 mét/ cuộn - Kèm theo dây nguồn đỏ + đen, tiết diện 2x1,2mm	Cat5e UTP + 2C / Hdpro / Trung Quốc	Cuộn	1	3.784.000	3.784.000	10%	378.400	4.162.400		
325	Adaptor	- Điện áp vào: 220VAC - Điện áp ra: 12Vdc - Dòng định mức 3A	HZHF - 2430 / Powerescue / Trung Quốc	cái	5	149.000	745.000	8%	59.600	804.600		
326	Chuyển đổi quang điện 1	- Tốc độ cổng điện: 10/100/1000Mbps (RJ45) - Tốc độ cổng quang: 10/100/1000Mbps - TX truyền bước sóng 1310nm & RX chạy bước sóng 1550nm hoặc ngược lại - Khoảng cách truyền cổng RJ45: 100m - Khoảng cách truyền quang: 20km (đối với cáp Single mode) - Cáp kết nối cổng RJ45: UTP 5E, CAT6 - Kết nối quang: SC (đối với cáp Single mode) - Cáp kết nối cổng quang: Single mode: 8.3/125,8.7/125,9/125 hoặc 10/125 um - Nguồn: 5VDC	3012-SS-SC / 3Onedata / Trung Quốc	bộ	3	3.784.000	11.352.000	8%	908.160	12.260.160	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
327	Chuyển đổi quang điện 2	- Cổng kết nối: 4 cổng J45 POE (10/100 Mbps) - Khoảng cách truyền quang: 25km (Single mode) - Cổng quang: 1 cổng SC 10/100Mbps - Tiêu chuẩn PoE: IEEE802.3af - Nguồn cấp: DC 52V 1.25A - Gồm một bộ gồm bộ thu và bộ phát	GNC-6104FE-25A/B / Gnetcom / Trung Quốc	Bộ	2	2.973.000	5.946.000	8%	475.680	6.421.680	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
328	Dây curoa đai rãnh 1	- Dây curoa thang khổ 10 mm - Chiều rộng rãnh: 1,14 mm - Chiều cao rãnh: 0,51 mm - Chiều dày tổng: 1,14 mm	90MXL / Bando / Nhật Bản	cái	10	149.000	1.490.000	8%	119.200	1.609.200		

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Góc nghiêng: 40 độ - Khoảng cách giữa các răng: 2,032 mm - Chu vi: 90 mm - Vật liệu: Cao Su NR										
329	Dây curoa đai răng 2	- Dây curoa thang khổ 10 mm - Chiều rộng răng: 1,14 mm - Chiều cao răng: 0,51 mm - Chiều dày tổng: 1,14 mm - Góc nghiêng: 40 độ - Khoảng cách giữa các răng: 2,032 mm - Chu vi: 100 mm - Vật liệu: Cao Su NR	100MXL / Bando / Nhật Bản	cái	10	149.000	1.490.000	8%	119.200	1.609.200		
330	Dây curoa đai răng 3	- Dây curoa thang khổ 10 mm - Chiều rộng răng: 1,14 mm - Chiều cao răng: 0,51 mm - Chiều dày tổng: 1,14 mm - Góc nghiêng: 40 độ - Khoảng cách giữa các răng: 2,032 mm - Chu vi: 110 mm - Vật liệu: Cao Su NR	110MXL / Bando / Nhật Bản	cái	10	149.000	1.490.000	8%	119.200	1.609.200		
331	Dây curoa đai răng 4	- Dây curoa thang khổ 10 mm - Chiều rộng răng: 1,14 mm - Chiều cao răng: 0,51 mm - Chiều dày tổng: 1,14 mm - Góc nghiêng: 40 độ - Khoảng cách giữa các răng: 2,032 mm - Chu vi: 120 mm - Vật liệu: Cao Su NR	120MXL / Bando / Nhật Bản	cái	10	149.000	1.490.000	8%	119.200	1.609.200		
332	Dây curoa đai răng 5	- Dây curoa thang khổ 10 mm - Chiều rộng răng: 1,14 mm - Chiều cao răng: 0,51 mm - Chiều dày tổng: 1,14 mm - Góc nghiêng: 40 độ - Khoảng cách giữa các răng: 2,032 mm	130MXL / Bando / Nhật Bản	cái	10	149.000	1.490.000	8%	119.200	1.609.200		

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Chu vi: 130 mm - Vật liệu: Cao Su NR										
333	Tủ điện nhựa 1	- Kích thước: 300x300x150 mm - Loại nhựa: ABS, kín - Cấp độ bảo vệ IP67	BC-APG-303015 / Boxco / Hàn Quốc	Cái	3	946.000	2.838.000	8%	227.040	3.065.040		
334	Tủ điện nhựa 2	- Kích thước: 400x500x200 mm - Loại nhựa: ABS, kín - Cấp độ bảo vệ IP67	BC-APG-405020 / Boxco / Hàn Quốc	Cái	2	946.000	1.892.000	8%	151.360	2.043.360		
335	Dây cáp điện	- Loại cáp hạ thế 0.6/1kV - Vật liệu cách điện: PVC - Vật liệu dây dẫn: Đồng nhiều lõi - Tiết diện dây: 2x1,5 mm ² - Màu sắc: vàng - Cấp điện áp: 300/500 V - Quy cách 100m/ cuộn	VCmd 2x1.5 mm ² / Cadivi / Việt Nam	m	300	12.000	3.600.000	10%	360.000	3.960.000		
336	Phích cắm điện đực	- Phích cắm 2 chấu fi 5 - Dòng chịu tải 10A - 2200W - Màu trắng	EU2O5 / Lioa / Việt Nam	cái	10	7.000	70.000	8%	5.600	75.600		
337	Phích cắm điện cái	- Phích cắm 2 chấu fi 5 - Dòng chịu tải 10A - 2200W - Màu trắng	EU 2TD / Lioa / Việt Nam	cái	10	7.000	70.000	8%	5.600	75.600		
338	Ổ cứng đầu ghi hình	- Loại ổ cứng: HDD - Dung lượng: 10TB - Tốc độ vòng quay: 7200 rpm - Bộ nhớ đệm: 256MB - Kích thước: 3,5" - Chuẩn kết nối: SATA 3 - Tốc độ truyền: 6Gb/s	WD101PURP / Western Digital / Thái Lan	cái	1	10.135.000	10.135.000	10%	1.013.500	11.148.500	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
339	Bộ lưu điện UPS	- Màn hình hiển thị LCD - Điện áp định mức: 220Vac - Ngưỡng điện áp: 100 - 300 Vac - Loại 1 pha; 50/60 Hz - Đầu ra:	C1K-LCD / Santak / Trung Quốc	bộ	1	10.811.000	10.811.000	8%	864.880	11.675.880	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		+ Điện áp định mức: 220Vac $\pm$ 1% + Công suất 1kVA/ 0,9kW + Tần số ra: Chế độ Battery 50/60Hz $\pm$ 0,05 Hz; Chế độ lưới: 50/60Hz $\pm$ 4 Hz - Thời gian chuyển mạch: 0ms - Pin và sạc: +Ắc quy khô không bảo dưỡng + Công suất bình 12Vdc x 9Ah + Số lượng bình: 2 x 12Vdc + Điện áp định mức: 24Vdc										hoặc bản sao y công chứng
340	Thẻ nhớ	- Dung lượng 512 GB - Tốc độ đọc 150 MB/s - Tốc độ ghi 15 MB/s	SDSQUAC-512G-GN6MN / Sandisk / Trung Quốc	Cái	5	1.216.000	6.080.000	10%	608.000	6.688.000		
G	Phần bổ sung											
341	Pin cho đèn thoát hiểm	- Loại 3 cell - Sử dụng tương thích cho lại đèn thoát hiểm KT-610, loại 1 mặt	NIMH 3.6V AA700mah / Grepow / Trung Quốc	Bộ	20	405.000	8.100.000	8%	648.000	8.748.000		
342	Đèn chiếu sáng chống cháy nổ	- Đèn chống nổ 1,2 mét - Loại: 2 bóng - Điện áp: 220V/50Hz - Công suất 36W - Đầu đèn G13 - Nhiệt độ màu 6500K - Cấp chống thấm: IP54 - Tiêu chuẩn phòng nổ: EXD II BT6	BPY2x36W / Paragon / Việt Nam	Bộ	5	3.784.000	18.920.000	10%	1.892.000	20.812.000	12 tháng	CQ bản gốc hoặc bản sao y công chứng.
343	Công tắc hẹn giờ	- Loại: Talento 372 Pro - Kích thước HxWxD (mm) 45x35x60 - Trọng lượng (g): 170 - Số kênh chuyển mạch: 2 kênh - Điện áp danh định 110-230V AC/50-60Hz - Loại bảo vệ IP 20 - Độ chính xác Kiểu $\pm$ 0,5S /ngày ở 20°C	Talento 372 Pro / Grasslin / Đức	Bộ	5	2.568.000	12.840.000	8%	1.027.200	13.867.200	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
		- Loại pin thay thế CR2032 - Bộ nhớ chương trình 70										
344	Công tắc Radar vi sóng	- Điện áp: 220 - 240V/50 - 60Hz. - Công suất chịu tải: max 1200W (tải trở), max 300W (tải dung). - Cảm biến radar vi sóng phát hiện chuyển động. - Thời gian trễ: từ 8 giây – 12 phút (tùy chỉnh). - Khoảng cách phát hiện: 1 – 8 m (tùy chỉnh). - Cảm biến ánh sáng: 2 – 2000 Lux (tùy chỉnh). - Góc quét: 360°. - Hệ thống tần số cao: 5.8GH CW radar, ISM band. - Nhiệt độ hoạt động: -20°C ~ +50°C. - Công suất tiêu thụ: < 0.9W	LQ-K06 / Etomax / Trung Quốc	Cái	20	378.000	7.560.000	8%	604.800	8.164.800		
345	Bình ắc quy	- Kiểu ắc quy: kín khí, không cần bảo dưỡng - Điện áp 12 Vdc - Dung lượng 100 Ah - Kích thước (DxRxC): 330 x 173 x 207(241) mm	RP100-12 / Sebang Global Battery / Hàn Quốc	Cái	4	3.784.000	15.136.000	8%	1.210.880	16.346.880	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
346	Bộ lưu điện UPS	- Màn hình hiển thị LCD - Điện áp định mức: 220Vac - Ngưỡng điện áp: 100 - 300 Vac - Loại 1 pha; 50/60 Hz - Đầu ra: + Điện áp định mức: 220Vac ± 1% + Công suất 1kVA/ 0,9kW + Tần số ra: Chế độ Battery 50/60Hz ± 0,05 Hz; Chế độ lưới: 50/60Hz ± 4 Hz - Thời gian chuyển mạch: 0ms - Pin và sạc: + Ắc quy khô không bảo dưỡng + Công suất bình 12Vdc x 9Ah + Số lượng bình: 2 x 12Vdc + Điện áp định mức: 24Vdc	C1K-LCD / Santak / Trung Quốc	Cái	3	10.012.000	30.036.000	8%	2.402.880	32.438.880	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
347	Bộ đo điện áp	- Ngõ vào điện áp: 0 - 24V, 0 - 50 V, 0 - 90V, 0 - 120V, 0 - 250V, 0 - 450V - Ngõ vào dòng điện: 0 - 1A, 0 - 5A. - Ngõ ra analog (4-20mA, 0-10V, 0-5V, 0-20mA); RS485, Profibus - Nguồn cấp: 80 - 250 V AC - Kích thước màn hình : 96 x 48mm - Màn hình hiển thị LED, với 4 số	OM 352AC / Orbit Merret / Séc	Cái	1	8.784.000	8.784.000	8%	702.720	9.486.720	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
348	Còi hụ điện tử báo động	- Nguồn điện 220 VAC - Công suất: 40 W - Cấp điện là hú báo động - Âm lượng: ~130 dB - Nhựa ABS cao cấp	C-628 / Komax / Trung Quốc	Cái	10	216.000	2.160.000	10%	216.000	2.376.000		
349	Bộ CPU điều khiển	- Được cấu hình với bộ điều khiển Control Builder M và 800xA - Nguồn cấp: +24Vdc - Thẻ nhớ: Compact Flash 4Gb chính hãng kèm theo tương thích với CPU - Cổng kết nối ngoại vi: 02 Port Ethernet; 02 Port RS232 - Cổng kết nối nội bộ: 01 CEX-Bus; 01 RCU Link Connector; 01 Tx/Rx Optical Module bus - Đảm bảo thiết bị vận hành đồng bộ, ổn định với hệ thống điều khiển hiện hữu tại NMTĐ Đồng Nai 4. - Cam kết bằng văn bản hỗ trợ kỹ thuật chính hãng để cài đặt, cấu hình thông số thiết bị đảm bảo đưa thiết bị vào làm việc tương thích với hệ thống hiện hữu	AC 800M - PM864AK01 Redundant Processor Unit/ Part no: 3BSE018161R1 / ABB / Thụy Điển	Bộ	3	769.600.145	2.308.800.436	10%	230.880.044	2.539.680.480	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
350	Rơ le trung gian	- Điện áp cuộn dây: 220 Vac - Loại 14 chân dẹt - Điện áp tiếp điểm: 250Vac/ 5A - Số tiếp điểm: 4 NO + 4 NC - Led chỉ thị: có - Lẫy lock và nút test: có - Bao gồm đế gắn	DRM570730L T / Weidmüller / Trung Quốc	cái	60	162.000	9.720.000	8%	777.600	10.497.600	12 tháng	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, Thông số kỹ thuật	Mã hiệu/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	VAT	Giá trị thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Bảo hành	Giấy tờ kèm theo
351	Board chuyển đổi nguồn và chuyển đổi tín hiệu	- Tương thích hệ thống giám sát sắc tố khí Máy biến áp NMTĐ Đồng Nai 4, Máy Calisto 9 model C901, Serial No. 02715 - Cam kết hỗ trợ lắp đặt, cài đặt thông số đảm bảo thiết bị vận hành ổn định sau khi thay thế.	KIT 59PSR / Morgan Schaffer / Canada	Bộ	1	20.270.000	20.270.000	8%	1.621.600	21.891.600	12 tháng	CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng
352	Công tơ điện tử cấp chính xác 0.2	- Công tơ điện tử 3 pha lập trình được, có nhiều biểu giá. - Đo đếm chiều giao và chiều nhận riêng biệt. - Cấp chính xác 0,2s tác dụng/ 2,0 phản kháng. - Phạm vi Dòng điện: 3x1(1,2)A. - Phạm vi điện áp: 3x63.5/110 V. - Sơ đồ đấu dây: 3 pha 4 dây. - Tần số 50Hz. - Phù hợp môi trường làm việc: nhiệt độ 0 – 50 độ C, độ ẩm 70% - 95% tại Việt Nam. - Kèm theo module giao tiếp RS485 - Tương thích giao tiếp với phần mềm EVNHES và PMU đang sử dụng tại NMTĐ Đồng Nai 3,4 - Đáp ứng yêu cầu Công tơ đo đếm của NMTĐ Đồng Nai 3,4 trong thỏa thuận hệ thống đo đếm theo quy định của Thông tư 42/2015/TT-BCT. - Yêu cầu có phê duyệt mẫu, chứng nhận kiểm định còn hạn 3 năm (tính theo năm cấp hàng)	Elster-A1700/ PB3KAGGHT -5 / Elster / Romania	Cái	1	129.730.000	129.730.000	8%	10.378.400	140.108.400	12 tháng	- CO, CQ, tờ khai hải quan/hợp đồng thương mại bản gốc hoặc bản sao y công chứng - Phê duyệt mẫu, chứng nhận kiểm định còn hạn 3 năm (tính theo năm cấp hàng)
		Giá trị trước thuế				6.304.298.782						
		Thuế VAT 8%				204.868.720						
		Thuế VAT 10%				374.343.978						
		Tổng cộng				6.883.511.480						

* (Đã bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển giao hàng tới kho NMTĐ Đồng Nai 3 & Đồng Nai 4)

* Ghi chú: Chứng nhận xuất xứ (CO) do Phòng thương mại nước sở tại cấp.